ĐIỀU LỆ

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

PHẦN MỞ ĐẦU

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH (sau đây gọi tắt là **"HDBank"** hoặc "**Ngân hàng**") là một ngân hàng thương mại cổ phần thực hiện các hoạt động ngân hàng, kinh doanh tiền tệ và các hoạt động kinh doanh khác có liên quan theo quy định của pháp luật vì mục đích lợi nhuận, góp phần phát triển kinh tế đất nước. Tổ chức và hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo Điều lệ này (sau đây gọi tắt là "**Điều lệ**"), các quy định hiện hành của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (sau đây gọi tắt là "**NHNN**") và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều lệ này do Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng quyết định thông qua theo Nghị quyết số 13/2026/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 04 năm 2026 và các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông đã thông qua trước đó về sửa đổi, bổ sung Điều lệ HDBank, đảm bảo tuân thủ các quy định của NHNN và các quy định pháp luật hiện hành có liên quan.

Điều lệ này bao gồm 23 Chương, 89 Điều.

Chương 1

ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ nằm trong ngoặc kép dưới đây sẽ được hiểu như sau:
   a. "***Bên nhận chuyển giao bắt buộc***" có nghĩa là một hoặc một số tổ chức sau đây đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng:[1]
      i. Tổ chức tín dụng trong nước, tổ chức tín dụng nước ngoài;
      ii. Doanh nghiệp trong nước, doanh nghiệp nước ngoài;
      iii. Tổ chức khác.
   b. "***Can thiệp sớm***" có nghĩa là việc NHNN áp dụng các yêu cầu, biện pháp hạn chế đối với Ngân hàng và yêu cầu Ngân hàng thực hiện phương án khắc phục dưới sự giám sát của NHNN nhằm khắc phục tình trạng quy định tại khoản 1 Điều 14 của Điều lệ này và quy định của pháp luật hiện hành.[2]
   c. "***Cổ đông lớn***" có nghĩa là cổ đông sở hữu từ 05% số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng, bao gồm cả số cổ phần cổ đông đó sở hữu gián tiếp.[3]

[1] Điều 184 Luật Các tổ chức tín dụng.
[2] Khoản 3 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.
[3] Khoản 8 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

d. "***Cổ đông sáng lập***" có nghĩa là cổ đông sở hữu ít nhất một cổ phần phổ thông và ký tên trong danh sách cổ đông sáng lập của Ngân hàng[4].

e. "***Cổ phiếu***" có nghĩa là chứng chỉ do Ngân hàng phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng.[5]

f. "***Công ty con của Ngân hàng***" hoặc "***Công ty con***" (tùy từng ngữ cảnh) có nghĩa là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây:[6]

i. Ngân hàng hoặc Ngân hàng và Người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty con đó;

ii. Ngân hàng có quyền bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) của Công ty con đó;

iii. Ngân hàng có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của Công ty con đó;

iv. Ngân hàng hoặc Ngân hàng và Người có liên quan của Ngân hàng trực tiếp hoặc gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của Công ty con đó.

g. "***Công ty liên kết của Ngân hàng***" hoặc "***Công ty liên kết***" (tùy từng ngữ cảnh) có nghĩa là công ty mà Ngân hàng hoặc Ngân hàng và Người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 11% (mười một phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 11% (mười một phần trăm) số cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là Công ty con của Ngân hàng.[7]

h. "***Công ty mẹ***" có nghĩa là một công ty được coi là công ty mẹ của công ty khác ("***công ty con***") nếu Công ty mẹ thuộc một trong các trường hợp sau đây:[8]

i. Sở hữu hoặc cùng với người có liên quan sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ hoặc trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết đã phát hành của công ty con;

ii. Có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc của công ty con;

iii. Có quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con; và

iv. Có quyền trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát hoặc cùng với người có liên quan kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con.

i. "***Điều lệ***" có nghĩa là bản Điều lệ này, bao gồm cả các bản Điều lệ sửa đổi và bổ sung sau này (nếu có).

j. "***Địa chỉ liên lạc***" có nghĩa là địa chỉ đăng ký trụ sở chính đối với tổ chức; địa chỉ thường trú hoặc nơi làm việc hoặc địa chỉ khác của cá nhân mà người đó đăng ký với doanh nghiệp để làm địa chỉ liên lạc.

[4] Khoản 4 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
[5] Khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
[6] Khoản 9 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.
[7] Khoản 11 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.
[8] Khoản 1 Điều 195 Luật Doanh nghiệp, Khoản 9 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

k. "***Giấy tờ pháp lý của cá nhân***" có nghĩa là một trong các loại giấy tờ sau đây: thẻ Căn cước, thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu, giấy tờ chứng thực cá nhân hợp pháp[9].

l. "***Giấy tờ pháp lý của tổ chức***" có nghĩa là một trong các loại giấy tờ sau đây: Quyết định thành lập, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, tài liệu tương đương khác[10].

m. "***Kiểm soát đặc biệt***" có nghĩa là việc NHNN quyết định đặt Ngân hàng dưới sự kiểm soát trực tiếp của NHNN.[11]

n. "***Luật Các tổ chức tín dụng***" có nghĩa là Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.

o. "***Luật Chứng khoán***" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.

p. "***Luật Doanh nghiệp***" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.

q. "***Luật NHNN Việt Nam***" có nghĩa là Luật NHNN Việt Nam số 46/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 16 tháng 6 năm 2010 và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Luật này tại từng thời điểm.

r. "***Ngày thành lập***" có nghĩa là ngày Ngân hàng được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động lần đầu tiên, cụ thể là ngày 6 tháng 6 năm 1992.

s. "***Người có liên quan***" có nghĩa là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:[12]

   i. Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; công ty mẹ với công ty con của công ty con và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; tổ chức tín dụng với công ty con của công ty con của tổ chức tín dụng và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; các công ty con của công ty con của cùng một công ty mẹ hoặc của cùng một tổ chức tín dụng với nhau; người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty mẹ hoặc của tổ chức tín dụng, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;

   ii. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;

   iii. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;

   iv. Cá nhân với vợ, chồng; cha mẹ đẻ, cha mẹ nuôi, cha dượng, mẹ kế, cha mẹ vợ, cha mẹ chồng; con đẻ, con nuôi, con riêng của vợ hoặc chồng, con dâu, con rể; anh, chị,

[9] Khoản 16 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
[10] Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
[11] Khoản 19 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.
[12] Khoản 24 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

em cùng cha mẹ; anh, chị, em cùng cha khác mẹ; anh, chị, em cùng mẹ khác cha; anh vợ, chị vợ, em vợ, anh chồng, chị chồng, em chồng, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của người cùng cha mẹ hoặc cùng cha khác mẹ, cùng mẹ khác cha (sau đây gọi là vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em); ông bà nội, ông bà ngoại; cháu nội, cháu ngoại; bác ruột, cô ruột, dì ruột, chú ruột, cậu ruột và cháu ruột;

v. Công ty hoặc tổ chức tín dụng với cá nhân có mối quan hệ theo quy định tại tiết (iv) điểm này với người quản lý, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc tổ chức tín dụng đó và ngược lại;

vi. Cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp cho tổ chức, cá nhân quy định tại các tiết (i), (ii), (iii), (iv) và (v) điểm này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau; và

vii. Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được xác định theo quy định nội bộ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của NHNN thông qua hoạt động thanh tra, giám sát.

t. "***Người có quan hệ gia đình***" bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.[13]

u. "***Người điều hành ngân hàng***" hoặc "***Người điều hành***" (tùy từng ngữ cảnh) bao gồm Tổng giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ này (nếu có).[14]

v. ***"Người nội bộ"*** là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên khác của Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên khác của Ban kiểm soát; thư ký ngân hàng, người phụ trách quản trị ngân hàng, người được ủy quyền công bố thông tin.

w. "***Người quản lý ngân hàng***" hoặc "***Người quản lý***" (tùy từng ngữ cảnh) bao gồm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ này (nếu có).[15]

x. "***Phương án chuyển giao bắt buộc***" có nghĩa là phương án cổ đông của Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt phải chuyển giao toàn bộ cổ phần cho Bên nhận chuyển giao.[16]

y. "***Phương án cơ cấu lại Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt***" hoặc "***phương án cơ cấu lại***" có nghĩa là một trong các phương án sau đây:[17]

i. Phương án phục hồi;

ii. Phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần;

[13] Khoản 22 Điều 4 Luật Doanh nghiệp.
[14] Khoản 25 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.
[15] Khoản 26 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.
[16] Khoản 28 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.
[17] Khoản 29 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

iii. Phương án chuyển giao bắt buộc;

iv. Phương án giải thể;

v. Phương án phá sản.

z. "***Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng***" có nghĩa là quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng hiện hành được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng theo quy định của pháp luật có liên quan.[18]

aa. "***Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị***" có nghĩa là quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị Ngân hàng hiện hành được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng theo quy định của pháp luật có liên quan.[19]

bb. ***"Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát"*** có nghĩa là quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng hiện hành được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng theo quy định của pháp luật có liên quan.[20]

cc. ***"Rút tiền hàng loạt"*** có nghĩa là việc Ngân hàng bị nhiều người gửi tiền cùng rút tiền dẫn đến Ngân hàng có nguy cơ mất khả năng chi trả hoặc mất khả năng chi trả theo quy định của Thống đốc NHNN.[21]

dd. ***"Sở hữu gián tiếp"*** có nghĩa là việc tổ chức, cá nhân sở hữu vốn điều lệ của Ngân hàng thông qua ủy thác đầu tư hoặc thông qua doanh nghiệp mà tổ chức, cá nhân đó sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ.

ee. "***Thành viên độc lập Hội đồng quản trị***" có nghĩa là thành viên Hội đồng quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 35 của Điều lệ này, nằm trong danh sách nhân sự dự kiến đã được NHNN chấp thuận và được bổ nhiệm hợp lệ bởi Ngân hàng theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành.

ff. "***Tổ chức lại Ngân hàng***" có nghĩa là việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.[22]

gg. "***Vốn điều lệ***" có nghĩa là tổng mệnh giá cổ phần của Ngân hàng đã bán cho cổ đông[23].

2. Trong Điều lệ này, các dẫn chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi, bổ sung, hoặc thay thế của quy định hoặc văn bản khác đó.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Các tổ chức tín dụng và các văn bản hướng dẫn các Luật này nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh sẽ có nghĩa tương tự như được quy định trong Điều lệ này.

[18] Khoản 2 Điều 270 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung (sau đây gọi tắt là "Nghị định số 155/2020/NĐ-CP").
[19] Khoản 4 Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
[20] Khoản 6 Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
[21] Khoản 31 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.
[22] Khoản 1 Điều 201 Luật Các tổ chức tín dụng.
[23] Khoản 42 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng.

Chương 2

TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG

Điều 2. Tên, địa chỉ, hình thức, người đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động và con dấu của Ngân hàng

1. Tên ngân hàng
   - Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
   - Tên viết tắt bằng tiếng Việt: Ngân hàng Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh
   - Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: Ho Chi Minh City Development Joint Stock Commercial Bank
   - Tên viết tắt : HDBank
2. Trụ sở chính đăng ký và thông tin liên hệ của Ngân hàng
   - Địa chỉ : 25 Bis Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Sài Gòn, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
   - Điện thoại : 028 6291 5916
   - Fax : 028 6291 5900
   - E-mail : ho@hdbank.com.vn
   - Website : www.hdbank.com.vn
3. Ngân hàng là một ngân hàng thương mại cổ phần có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.
4. Người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng là Tổng Giám đốc.

   Tổng Giám đốc có thể ủy quyền bằng văn bản cho người khác làm người đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng theo cơ chế ủy quyền nội bộ do Hội đồng quản trị Ngân hàng quy định tại Quy chế hoạt động của Tổng Giám đốc để thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Văn bản ủy quyền phải nêu rõ phạm vi và thời hạn đại diện theo ủy quyền. Người đại diện theo ủy quyền chỉ được thực hiện giao dịch trong phạm vi đại diện.
5. Ngân hàng có thể thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các hình thức hiện diện thương mại khác sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản theo quy định của Thống đốc NHNN và quy định pháp luật.

   Văn bản chấp thuận việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước của Ngân hàng đồng thời là Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh, văn phòng đại diện[24].
6. Thời hạn hoạt động của Ngân hàng là 99 (chín mươi chín) năm kể từ Ngày thành lập.
7. Ngân hàng có con dấu riêng, được lưu giữ bảo quản, quản lý và sử dụng theo quy định của pháp luật và Quy chế quản lý và sử dụng con dấu do Hội đồng quản trị ban hành.[25]

[24] Điều 38 Luật Các tổ chức tín dụng.
[25] Điều 43 Luật Doanh nghiệp.

Chương 3

MỤC TIÊU CỦA NGÂN HÀNG, PHẠM VI VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

Điều 3. Mục tiêu của Ngân hàng

Ngân hàng hướng đến phát triển cung cấp các sản phẩm tài chính ngân hàng đa dạng, tiện ích cho tất cả các đối tượng khách hàng trong và ngoài nước, thực hiện mục tiêu trở thành Ngân hàng bán lẻ đa năng và có giá trị cao trên thị trường; thực hiện các nội dung yêu cầu chung của Chính phủ, NHNN trong mục tiêu xây dựng, vận hành và đảm bảo hệ thống kinh tế, tài chính tiền tệ quốc gia lành mạnh và phát triển bền vững. Ngân hàng thực hiện tất cả các chiến lược cần thiết để phát triển nhanh, bền vững, có lợi nhuận cao trên cơ sở cân đối hài hòa lợi ích của Ngân hàng và các cổ đông cũng như với xã hội.

Điều 4. Phạm vi hoạt động

Ngân hàng được tiến hành các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác ghi trong Giấy phép thành lập và hoạt động do NHNN cấp cho Ngân hàng phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và hướng dẫn của Thống đốc NHNN.[26]

Điều 5. Nội dung hoạt động của Ngân hàng

Phụ thuộc vào nội dung của Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng và quy định của pháp luật áp dụng, Ngân hàng được thực hiện các hoạt động sau đây:[27]

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác.
2. Phát hành chứng chỉ tiền gửi.
3. Cấp tín dụng dưới các hình thức sau đây:
   a. Cho vay;
   b. Chiết khấu, tái chiết khấu;
   c. Bảo lãnh ngân hàng;
   d. Phát hành thẻ tín dụng;
   e. Bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế khi được NHNN cho phép thực hiện;
   f. Thư tín dụng;
   g. Các hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của Thống đốc NHNN.
4. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng.
5. Cung ứng các phương tiện thanh toán.
6. Cung ứng các dịch vụ thanh toán qua tài khoản sau đây:
   a. Thực hiện dịch vụ thanh toán trong nước bao gồm séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, chuyển tiền, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
   b. Thực hiện dịch vụ thanh toán quốc tế sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản; dịch vụ thanh toán khác theo quy định của Thống đốc NHNN.

[26] Điều 8 và Điều 99 Luật Các tổ chức tín dụng.
[27] Từ Điều 107 đến Điều 114, Điều 137, Điều 139 và Điều 144 Luật Các tổ chức tín dụng.

7. Vay, gửi tiền, mua, bán giấy tờ có giá:

   a. Ngân hàng được vay NHNN dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật NHNN Việt Nam.

   b. Ngân hàng được mua, bán giấy tờ có giá với NHNN theo quy định của Luật NHNN Việt Nam.

   c. Ngân hàng được cho vay, vay, gửi tiền, nhận tiền gửi, mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc NHNN.

   d. Ngân hàng được vay nước ngoài theo quy định của pháp luật.

8. Mở tài khoản:

   a. Ngân hàng phải mở tài khoản thanh toán tại NHNN và duy trì số tiền dự trữ bắt buộc trên tài khoản này.

   b. Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán tại tổ chức tín dụng được cung ứng dịch vụ thanh toán qua tài khoản.

   c. Ngân hàng được mở tài khoản thanh toán ở nước ngoài theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

9. Tổ chức và tham gia hệ thống thanh toán:

   a. Ngân hàng được tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia.

   b. Ngân hàng được tham gia hệ thống thanh toán quốc tế khi đáp ứng điều kiện theo quy định của Chính phủ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

10. Góp vốn, mua cổ phần:

    Ngân hàng thực hiện góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại Điều 6 Điều lệ này.

11. Kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối và sản phẩm phái sinh:

    a. Ngân hàng được kinh doanh, cung ứng cho khách hàng ở trong nước và nước ngoài các dịch vụ, sản phẩm sau đây khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản:

       i. Ngoại hối;

       ii. Phái sinh về lãi suất, ngoại hối, tiền tệ và tài sản tài chính khác.

    b. Việc kinh doanh ngoại hối, cung ứng dịch vụ ngoại hối của Ngân hàng cho khách hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về ngoại hối.

12. Nghiệp vụ ủy thác và đại lý, giao đại lý:[28]

    a. Ngân hàng được quyền ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong hoạt động ngân hàng, giao đại lý thanh toán theo quy định của Thống đốc NHNN.

    b. Ngân hàng được thực hiện hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của pháp luật về kinh doanh bảo hiểm, phù hợp với phạm vi hoạt động đại lý bảo hiểm theo quy định của Thống đốc NHNN.

13. Kinh doanh bất động sản:[29]

[28] Điều 106 Luật Các tổ chức tín dụng.
[29] Điều 139 Luật Các tổ chức tín dụng.

Ngân hàng không được kinh doanh bất động sản, trừ các trường hợp sau đây:

a. Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của Ngân hàng;

b. Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của Ngân hàng chưa sử dụng hết;

c. Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ. Trong thời hạn 05 (năm) năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, Ngân hàng phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này. Trường hợp mua lại bất động sản phải bảo đảm mục đích sử dụng quy định tại điểm a khoản này và tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ngân hàng, bảo đảm tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định không được vượt quá 50% Vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán.

14. Các hoạt động kinh doanh khác của Ngân hàng:

a. Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của Thống đốc NHNN:

i. Dịch vụ quản lý tiền mặt; dịch vụ ngân quỹ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; dịch vụ bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;

ii. Cung ứng các dịch vụ chuyển tiền, thu hộ, chi hộ và các dịch vụ thanh toán khác không qua tài khoản;

iii. Mua, bán tín phiếu NHNN, trái phiếu doanh nghiệp; mua, bán giấy tờ có giá khác, trừ mua, bán giấy tờ có giá quy định tại tiết (i) điểm b khoản này;

iv. Dịch vụ môi giới tiền tệ;

v. Kinh doanh vàng;

vi. Dịch vụ khác liên quan đến bao thanh toán, thư tín dụng;

vii. Tư vấn về hoạt động ngân hàng và hoạt động kinh doanh khác quy định trong Giấy phép thành lập và hoạt động của Ngân hàng.

viii. Mua nợ.

b. Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác sau đây theo quy định của pháp luật có liên quan:

i. Mua, bán công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu Chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;

ii. Phát hành trái phiếu;

iii. Lưu ký chứng khoán;

iv. Nghiệp vụ ngân hàng giám sát;

v. Đại lý quản lý tài sản bảo đảm cho bên cho vay là tổ chức tài chính quốc tế, tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

c. Ngân hàng được thực hiện các hoạt động kinh doanh khác liên quan đến hoạt động ngân hàng ngoài các hoạt động quy định tại điểm a và b khoản này theo quy định của Thống đốc NHNN, quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Góp vốn, mua cổ phần[30]

1. Ngân hàng chỉ được dùng Vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các khoản 2, 3, 4 và 6 Điều này và tuân thủ các giới hạn để bảo đảm an toàn trong hoạt động đầu tư, góp vốn theo quy định của pháp luật.
2. Ngân hàng phải thành lập, mua lại Công ty con, Công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:
   a. Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
   b. Cho thuê tài chính;
   c. Bảo hiểm.
3. Ngân hàng được thành lập, mua lại Công ty con, Công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
4. Ngân hàng được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
   a. Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
   b. Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a khoản này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
5. Ngân hàng thành lập, mua lại Công ty con, Công ty liên kết theo quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.
6. Ngân hàng, Công ty con của Ngân hàng được mua, nắm giữ cổ phần của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Thống đốc NHNN.
7. Ngân hàng, công ty con của Ngân hàng không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng sau đây:[31]
   a. Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông của Ngân hàng;
   b. Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là người có liên quan của cổ đông lớn của Ngân hàng.
8. Ngoài ra, tổng mức góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng vào các Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng và mức góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng và các Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng vào doanh nghiệp khác không được vượt quá tỷ lệ tối đa theo quy định của pháp luật.[32]

Điều 7. Xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra và xử lý[33]

1. Ngân hàng phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh khả năng tài chính của khách hàng, phương án sử dụng vốn khả thi, mục đích sử dụng vốn hợp pháp trước khi quyết định cấp tín dụng, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

[30] Điều 111 và Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng.
[31] Khoản 5 Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng.
[32] Khoản 1 và khoản 2 Điều 137 Luật Các tổ chức tín dụng.
[33] Điều 102 và 103 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Ngân hàng phải có tối thiểu thông tin về mục đích sử dụng vốn hợp pháp, khả năng tài chính của khách hàng trước khi quyết định cấp tín dụng đối với các khoản cấp tín dụng có mức giá trị nhỏ theo quy định của Thống đốc NHNN.
3. Ngân hàng phải tổ chức xét duyệt cấp tín dụng theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định cấp tín dụng.
4. Ngân hàng có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng quy định tại khoản 1 Điều này; có quyền yêu cầu khách hàng vay báo cáo việc sử dụng vốn vay và cung cấp tài liệu, dữ liệu chứng minh vốn vay được sử dụng đúng mục đích.
5. Ngân hàng có quyền thỏa thuận với khách hàng về việc áp dụng hoặc không áp dụng biện pháp bảo đảm trong hoạt động cấp tín dụng.
6. Ngân hàng có quyền chấm dứt việc cấp tín dụng, thu hồi nợ trước hạn khi phát hiện khách hàng cung cấp thông tin sai sự thật, vi phạm các quy định trong hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm.
7. Trường hợp các bên không có thỏa thuận khác thì Ngân hàng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của Ngân hàng thực hiện theo quy định của Thống đốc NHNN.
8. Trường hợp khách hàng hoặc bên bảo đảm không trả được nợ do bị phá sản, việc thu hồi nợ của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.
9. Ngân hàng có quyền quyết định miễn, giảm lãi, phí cho khách hàng theo quy định nội bộ của Ngân hàng.

Điều 8. Bảo đảm an toàn

Trong quá trình hoạt động, Ngân hàng phải tuân thủ các quy định về bảo đảm an toàn theo quy định tại Chương VII của Luật Các tổ chức tín dụng và theo quy định của NHNN; thực hiện phân loại tài sản "Có" và trích lập dự phòng rủi ro để xử lý các rủi ro trong hoạt động ngân hàng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Chương 4

VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG

Điều 9. Vốn điều lệ[34]

1. Vốn điều lệ là tổng mệnh giá cổ phần của Ngân hàng đã bán cho cổ đông, được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
2. Ngân hàng phải đảm bảo mức Vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định theo quy định của pháp luật.
3. Vốn điều lệ có thể được tăng từ các nguồn sau:
   a. Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ;
   b. Quỹ đầu tư phát triển, thặng dư vốn cổ phần, lợi nhuận lũy kế chưa phân phối để lại và các quỹ khác theo quy định của pháp luật;

[34] Khoản 42 Điều 4 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 19 Thông tư số 34/2024/TT-NHNN ngày 30/6/2024 quy định việc cấp đổi giấy phép, cấp bổ sung nội dung hoạt động vào giấy phép và tổ chức, hoạt động của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng tại Việt Nam.

c. Chào bán cổ phiếu ra công chúng, chào bán cổ phiếu riêng lẻ;

d. Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông;

e. Các nguồn khác theo quy định của pháp luật.

4. Vốn điều lệ được sử dụng vào các mục đích sau:

a. Mua, đầu tư vào tài sản cố định của Ngân hàng không quá tỷ lệ quy định của NHNN;

b. Thành lập, tham gia góp vốn thành lập, mua lại Công ty con, Công ty liên kết; góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật;

c. Cấp tín dụng cho khách hàng;

d. Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thay đổi Vốn điều lệ

1. Việc thay đổi Vốn điều lệ (tăng hoặc giảm) phải được thực hiện trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thay đổi Vốn điều lệ theo quy định của pháp luật hiện hành. Văn bản chấp thuận của NHNN về việc thay đổi mức Vốn điều lệ có hiệu lực trong thời hạn 12 (mười hai) tháng kể từ ngày ký.

2. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận thay đổi Vốn điều lệ thực hiện theo quy định của Thống đốc NHNN.

Điều 11. Vốn của Ngân hàng

Vốn của Ngân hàng gồm các nguồn vốn sau:[35]

1. Vốn chủ sở hữu:

a. Vốn điều lệ;

b. Các khoản chênh lệch do đánh giá lại tài sản, chênh lệch tỷ giá theo quy định của pháp luật;

c. Thặng dư vốn cổ phần;

d. Các quỹ: quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ, quỹ đầu tư phát triển, quỹ dự phòng tài chính;

e. Lợi nhuận lũy kế chưa phân phối, lỗ lũy kế chưa xử lý; và

f. Vốn khác thuộc sở hữu hợp pháp của Ngân hàng.

2. Vốn huy động:

a. Vốn huy động từ nhận tiền gửi và vốn huy động thông qua phát hành chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu và các loại giấy tờ có giá khác theo quy định pháp luật trong từng thời kỳ;

b. Vốn nhận ủy thác đầu tư;

c. Vốn vay các tổ chức tín dụng, tổ chức tài chính và các tổ chức, cá nhân khác trong nước và ngoài nước; và

d. Vốn vay NHNN theo quy định của pháp luật.

3. Vốn khác theo quy định của pháp luật.

[35] Điều 4 Nghị định số 135/2025/NĐ-CP ngày 12/06/2025 về chế độ tài chính đối với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả đầu tư vốn nhà nước tại tổ chức tín dụng do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ và tổ chức tín dụng có vốn Nhà nước (sau đây gọi tắt là "Nghị định số 135/2025/NĐ-CP").

Điều 12. Sử dụng vốn, tài sản[36]

1. Ngân hàng được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định của pháp luật.
2. Ngân hàng được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động kinh doanh theo nhu cầu thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Việc điều động vốn, tài sản giữa các chi nhánh của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Hội đồng quản trị.
4. Đối với bất động sản nắm giữ do việc xử lý nợ, việc hạch toán tài sản, trích khấu hao được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Bảo đảm an toàn vốn[37]

1. Ngân hàng phải duy trì các tỷ lệ bảo đảm an toàn sau đây theo quy định của pháp luật:
   a. Tỷ lệ khả năng chi trả;
   b. Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định của Thống đốc NHNN trong từng thời kỳ;
   c. Trạng thái ngoại tệ, vàng tối đa so với vốn tự có;
   d. Tỷ lệ mua, nắm giữ, đầu tư trái phiếu Chính phủ, trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh;
   e. Tỷ lệ bảo đảm an toàn khác.
2. Ngân hàng tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia phải ký quỹ tiền tại NHNN, nắm giữ số lượng tối thiểu giấy tờ có giá được phép cầm cố theo quy định của Thống đốc NHNN trong từng thời kỳ.
3. Tổng số vốn của Ngân hàng đầu tư vào tổ chức tín dụng khác, Công ty con của Ngân hàng dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần và khoản đầu tư dưới hình thức góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán không được tính vào vốn tự có khi tính tỷ lệ bảo đảm an toàn.
4. Mua bảo hiểm tài sản đối với các tài sản quy định phải mua bảo hiểm.
5. Tham gia bảo hiểm tiền gửi theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 14. Thực hiện can thiệp sớm đối với Ngân hàng[38]

1. Các trường hợp Ngân hàng được NHNN xem xét, quyết định thực hiện can thiệp sớm:
   a. Số lỗ lũy kế của Ngân hàng lớn hơn 15% giá trị của Vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất hoặc theo kết luận thanh tra, kiểm toán của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này;
   b. Xếp hạng dưới mức trung bình theo quy định của Thống đốc NHNN;
   c. Vi phạm tỷ lệ khả năng chi trả quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này trong thời gian 30 ngày liên tục;
   d. Vi phạm tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 của Điều lệ này trong thời gian 06 tháng liên tục;

[36] Điều 5 Nghị định số 135/2025/NĐ-CP.
[37] Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng; Khoản 3, 4 Điều 7 Nghị định số 135/2025/NĐ-CP.
[38] Khoản 1 Điều 143 và Điều 156 Luật Các tổ chức tín dụng.

e. Bị rút tiền hàng loạt và có báo cáo gửi NHNN.

2. Ngân hàng phải xây dựng phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm.
3. Ngân hàng có trách nhiệm thực hiện ngay các nội dung sau đây theo yêu cầu bằng văn bản của NHNN:
   a. Một hoặc một số yêu cầu, biện pháp hạn chế đối với tổ chức tín dụng được can thiệp sớm theo quy định tại Điều 157 của Luật Các tổ chức tín dụng và thời hạn thực hiện;
   b. Cập nhật, thực hiện ngay phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp được can thiệp sớm theo quy định tại Điều 143 của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc xây dựng phương án khắc phục theo quy định tại Điều 158 của Luật Các tổ chức tín dụng, thời hạn hoàn thành xây dựng và thông qua phương án khắc phục.
4. Ngân hàng thuê tổ chức kiểm toán độc lập kiểm toán báo cáo tài chính, đánh giá thực trạng tài chính để làm cơ sở xây dựng phương án khắc phục trong trường hợp có yêu cầu của NHNN.

Chương 5
CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 15. Vốn điều lệ hiện hành, cổ phần, cổ đông của Ngân hàng

1. Vốn điều lệ hiện có của Ngân hàng là 50.052.763.230.000 VND (năm mươi nghìn không trăm năm mươi hai tỷ bảy trăm sáu mươi ba triệu hai trăm ba mươi nghìn đồng).
2. Tổng số Vốn điều lệ được chia thành nhiều cổ phần, mỗi cổ phần có mệnh giá là 10.000 VND (mười nghìn Đồng).
3. Ngân hàng có thể thay đổi Vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và được NHNN chấp thuận phù hợp với các quy định của pháp luật.
4. Các cổ phần của Ngân hàng là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần được quy định tại Điều 22 và Điều 23 của Điều lệ này.
5. Ngân hàng có thể phát hành các loại cổ phần khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
6. Ngân hàng có thể mua cổ phần do chính Ngân hàng đã phát hành và đang giao dịch trên thị trường chứng khoán theo các quy định của pháp luật hiện hành. Việc Ngân hàng mua lại cổ phần đã phát hành phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện vì dẫn đến việc giảm Vốn điều lệ.
7. Ngân hàng có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép và Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị (tùy theo thẩm quyền) thông qua bằng văn bản, phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và quy định tại Điều lệ này.
8. Ngân hàng phải có tối thiểu 100 (một trăm) cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ trường hợp Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt và được chuyển giao bắt buộc đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc theo quy định tại Mục 4 Chương X của Luật Các tổ chức tín dụng.[39]

[39] Khoản 6 Điều 60 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 16. Giới hạn sở hữu cổ phần[40]

1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu cổ phần vượt quá 05% (năm phần trăm) Vốn điều lệ.
2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu cổ phần vượt quá 10% (mười phần trăm) Vốn điều lệ.
3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần vượt quá 15% (mười lăm phần trăm) Vốn điều lệ.

   Cổ đông lớn của Ngân hàng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên của một tổ chức tín dụng khác.
4. Quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều này không áp dụng đối với các trường hợp sau đây:
   a. Sở hữu cổ phần tại Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng là tổ chức tín dụng quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 6 của Điều lệ này;
   b. Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại khoản 7 Điều này.
5. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này bao gồm cả số cổ phần sở hữu gián tiếp. Tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại khoản 3 Điều này bao gồm cả cổ phần do cổ đông ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần và không bao gồm sở hữu cổ phần của người có liên quan là công ty con của cổ đông đó theo quy định tại điểm a khoản 9 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng.
6. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi (nếu có), khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần tại Điều này.
7. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của một cá nhân nước ngoài không được vượt quá 5% (năm phần trăm) và của một tổ chức nước ngoài không được vượt quá 15% (mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của Ngân hàng. Tổng mức sở hữu cổ phần của các nhà đầu tư nước ngoài tại Ngân hàng theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và không được vượt quá mức tối đa theo quy định của Chính phủ trong từng thời kỳ.

Điều 17. Cổ phiếu[41]

1. Cổ phiếu của Ngân hàng bao gồm các thông tin chủ yếu sau:
   a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;
   b. Số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động;
   c. Số lượng cổ phần và loại cổ phần;
   d. Mệnh giá mỗi cổ phần và tổng mệnh giá số cổ phần ghi trên cổ phiếu;
   e. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức đối với cổ phiếu có ghi tên;
   f. Chữ ký mẫu của người đại diện theo pháp luật và dấu của Ngân hàng;
   g. Số đăng ký tại Sổ đăng ký cổ đông và ngày phát hành cổ phiếu;
   h. Các thông tin khác (nếu có).

[40] Điều 63 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 7 Nghị định số 01/2014/NĐ-CP ngày 03/01/2014 v/v nhà đầu tư nước ngoài mua cổ phần của tổ chức tín dụng Việt Nam và các văn bản sửa đổi, bổ sung.
[41] Điều 66 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 121 Luật Doanh nghiệp.

2. Cổ phiếu được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử. Trường hợp phát hành dưới hình thức chứng chỉ, Ngân hàng phải phát hành cổ phiếu cho các cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cổ đông thanh toán đủ số tiền cam kết mua cổ phần.
3. Trường hợp chỉ chuyển nhượng một số cổ phần đã đăng ký trong một cổ phiếu thì cổ phiếu cũ sẽ bị huỷ bỏ và cổ phiếu mới sẽ ghi nhận số cổ phần còn lại sau khi chuyển nhượng. Cổ phiếu mới sẽ được cấp miễn phí.
4. Ngân hàng có thể quản lý cổ phiếu thay cho cổ đông hoặc cấp cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông. Trường hợp cổ phiếu có ghi tên bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, cổ đông phải báo ngay và đề nghị Ngân hàng cấp lại cổ phiếu khác và phải trả phí theo quy định của Ngân hàng.
5. Cổ phiếu của Ngân hàng không được dùng để cầm cố tại chính Ngân hàng theo quy định của pháp luật.
6. Các nội dung khác liên quan đến cổ phiếu thực hiện theo quy định tại Điều 121 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

Điều 18. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần

1. Ngân hàng có thể tăng thêm số lượng cổ phần được quyền chào bán và bán các cổ phần đó trong quá trình hoạt động để tăng Vốn điều lệ. Chào bán cổ phần được thực hiện theo các hình thức sau:[42]
   a. Chào bán cổ phần ra công chúng;
   b. Phát hành cổ phần riêng lẻ;
   c. Chào bán, phát hành cổ phần theo các hình thức khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc chào bán cổ phần theo khoản 1 Điều này được Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.
3. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
4. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.
5. Việc mua, nhận chuyển nhượng cổ phần dẫn đến trở thành cổ đông lớn phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.[43]
6. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện căn cứ theo các quy định của pháp luật hiện hành liên quan.
7. Trong trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.
8. Trong trường hợp cổ đông là tổ chức bị giải thể, phá sản, chia tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật làm chấm dứt hình thức tồn tại pháp lý thì việc

[42] Khoản 2 Điều 123 Luật Doanh nghiệp.
[43] Điểm đ khoản 1 Điều 37 Luật Các tổ chức tín dụng.

giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật tương ứng.

9. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện phần vốn góp là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước tại Ngân hàng.[44]

10. Trong thời gian đang xử lý hậu quả do trách nhiệm cá nhân theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ trường hợp các thành viên này:

    a. Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, giải thể, phá sản theo quy định pháp luật;

    b. Bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật;

    c. Chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt.[45]

11. Việc chuyển nhượng cổ phần của cổ đông sáng lập tham gia góp vốn thành lập Ngân hàng được thực hiện theo quy định của pháp luật.

12. Việc phát hành, chào bán và chuyển nhượng cổ phần, mua lại cổ phần thực hiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản hướng dẫn luật có liên quan, các quy định của các cơ quan quản lý, cơ quan chức năng và Điều lệ này.

Điều 19. Mua lại cổ phần, cổ phiếu[46]

1. Việc Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình phải đáp ứng các điều kiện sau đây:[47]

    a. Có nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua việc mua lại cổ phiếu để giảm Vốn điều lệ, phương án mua lại, trong đó nêu rõ số lượng, thời gian thực hiện, nguyên tắc xác định giá mua lại;

    b. Có đủ nguồn để mua lại cổ phiếu từ các nguồn sau đây: thặng dư vốn cổ phần, quỹ đầu tư phát triển, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được sử dụng để bổ sung Vốn điều lệ theo quy định của pháp luật;

    c. Có công ty chứng khoán được chỉ định thực hiện giao dịch;

    d. Đáp ứng các điều kiện đối với ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện theo quy định của pháp luật;

    e. Không thuộc các trường hợp không được mua lại cổ phiếu của chính mình sau đây:

        i. Ngân hàng đang có nợ phải trả quá hạn căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán; trường hợp thời điểm dự kiến mua lại cổ phiếu quá 06 (sáu) tháng kể từ thời

[44] Khoản 1 Điều 64 Luật Các tổ chức tín dụng.
[45] Khoản 2 Điều 64 Luật Các tổ chức tín dụng.
[46] Điều 65 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 36 Luật Chứng khoán; khoản 5 Điều 112, các Điều 132, 133 và 134 của Luật Doanh nghiệp.
[47] Các khoản 1, 3 và 4 Điều 36 Luật Chứng khoán.

điểm kết thúc năm tài chính, việc xác định nợ quá hạn được căn cứ vào báo cáo tài chính 06 tháng gần nhất được kiểm toán;

ii. Ngân hàng đang trong quá trình chào bán, phát hành cổ phiếu để huy động thêm vốn;

iii. Cổ phiếu của Ngân hàng đang là đối tượng chào mua công khai, trừ quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này; hoặc

iv. Ngân hàng đã thực hiện việc mua lại cổ phiếu của chính mình trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày báo cáo kết quả mua lại hoặc vừa kết thúc đợt chào bán, phát hành cổ phiếu để tăng vốn không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, phát hành, trừ quy định tại điểm a và điểm b khoản 2 Điều này.

f. Trừ trường hợp mua lại cổ phiếu tương ứng với tỷ lệ sở hữu trong Ngân hàng hoặc mua lại cổ phiếu theo bản án, quyết định của Tòa án đã có hiệu lực pháp luật, quyết định của Trọng tài hoặc mua lại cổ phiếu thông qua giao dịch thực hiện theo phương thức khớp lệnh, Ngân hàng không được mua lại cổ phiếu của các đối tượng sau đây:

i. Người nội bộ và người có liên quan của Người nội bộ;

ii. Người sở hữu cổ phiếu có hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều lệ này; và

iii. Cổ đông lớn của Ngân hàng.

2. Các trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu:

a. Mua lại cổ phần, cổ phiếu theo quyết định của Ngân hàng:[48]

Ngân hàng có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán, một phần hoặc toàn bộ cổ phần ưu đãi cổ tức đã bán theo quy định của pháp luật. Đại hội đồng cổ đông thông qua việc mua lại cổ phần đã bán, hoặc phê duyệt phương án mua lại cổ phần do Hội đồng quản trị trình. Nghị quyết, quyết định mua lại cổ phần của Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm những nội dung được xác định như sau: số lượng cổ phần hoặc tỷ lệ cổ phần sẽ mua lại; nguồn vốn dùng mua lại cổ phần; cách thức mua lại cổ phần; giá mua lại cổ phần; nguyên tắc xác định giá mua lại cổ phần; thời gian thực hiện; quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông và các vấn đề khác phù hợp quy định của pháp luật.

b. Mua lại cổ phần, cổ phiếu theo yêu cầu của cổ đông:[49]

i. Cổ đông đã biểu quyết không thông qua quyết định về việc tổ chức lại Ngân hàng hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ này có quyền yêu cầu Ngân hàng mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu Ngân hàng mua lại. Yêu cầu phải được gửi đến Trụ sở chính của Ngân hàng trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

[48] Điều 133 Luật Doanh nghiệp.
[49] Điều 132 Luật Doanh nghiệp.

ii. Ngân hàng phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại điểm a khoản 2 nêu trên trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu với mức giá do hai bên thỏa thuận. Trường hợp hai bên không thoả thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá định giá. Ngân hàng sẽ giới thiệu ít nhất ba tổ chức thẩm định giá để cổ đông lựa chọn một trong ba tổ chức đó và quyết định định giá của tổ chức thẩm định giá được lựa chọn này là quyết định cuối cùng ràng buộc các bên. Chi phí thẩm định giá sẽ do Ngân hàng và cổ đông chi trả đồng đều.

c. Mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Ngân hàng, mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn sở hữu.[50]

d. Việc mua lại cổ phiếu được nêu tại điểm b, c khoản 2 Điều này được miễn trừ điều kiện quy định tại các điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này.[51]

3. Điều kiện thanh toán và xử lý cổ phần được mua lại

a. Ngân hàng chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số tiền tương ứng với số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng và giá trị thực của Vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định.[52]

b. Cổ phiếu được mua lại theo quy định tại Điều này được bán ra ngay sau khi mua lại trong các trường hợp sau đây:[53]

i. Ngân hàng mua lại cổ phiếu lẻ theo phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức, phương án phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn sở hữu;

ii. Ngân hàng mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của cổ đông.

c. Việc mua lại theo Điều này các cổ phần đã lưu ký và niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và sàn giao dịch chứng khoán liên quan.

d. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của Ngân hàng giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì Ngân hàng phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.[54]

e. Khi thực hiện mua lại cổ phiếu của chính mình theo quy định tại các điểm a đến d Khoản 1 và điểm b Khoản 2 Điều này, Ngân hàng phải thực hiện thủ tục giảm Vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị tính theo mệnh giá số cổ phiếu được Ngân hàng mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phiếu.[55]

f. Khi thực hiện mua lại cổ phiếu của chính mình theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều này, Ngân hàng phải báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên gần nhất về tổng số lượng cổ phiếu của người lao động đã được Ngân hàng mua lại và không phải làm thủ tục giảm Vốn điều lệ đối với số cổ phiếu được Ngân hàng mua lại.[56]

---

[50] Điểm b khoản 2 Điều 36 Luật Chứng khoán.
[51] Khoản 2 Điều 36 Luật Chứng khoán.
[52] Điều 65 Luật Các tổ chức tín dụng.
[53] Khoản 7 Điều 36 Luật Chứng khoán.
[54] Khoản 4 Điều 134 Luật Doanh nghiệp.
[55] Khoản 2 Điều 134 Luật Doanh nghiệp.
[56] Khoản 6 Điều 36 Luật Chứng khoán.

g. Ngân hàng phải tiêu hủy ngay Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ.[57]

4. Báo cáo mua lại cổ phiếu, công bố thông tin và thực hiện việc mua lại cổ phiếu: thực hiện theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định do cấp có thẩm quyền của Ngân hàng ban hành trong từng thời kỳ.

Điều 20. Phát hành trái phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác[58]

1. Ngân hàng có quyền phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi (là loại trái phiếu do Ngân hàng phát hành và có thể được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng theo các điều kiện, điều khoản đã được xác định trong phương án phát hành trái phiếu), trái phiếu kèm chứng quyền (là loại trái phiếu được Ngân hàng phát hành kèm theo chứng quyền, cho phép người sở hữu chứng quyền được quyền mua một số cổ phiếu phổ thông của Ngân hàng theo điều kiện, điều khoản đã được xác định tại phương án phát hành trái phiếu) và các loại trái phiếu khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định về phát hành giấy tờ có giá của Ngân hàng có hiệu lực tại từng thời điểm.
2. Việc phát hành các loại trái phiếu của Ngân hàng phải tuân thủ các quy định có liên quan của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán và các quy định pháp luật khác có liên quan.
3. Phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền:
   a. Phải được Đại hội đồng cổ đông Ngân hàng thông qua và được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận bằng văn bản (nếu áp dụng).
   b. Trong phương án phát hành trái phiếu phải có nội dung về chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện chứng quyền như sau:
      i. Người mua trái phiếu phải đáp ứng quy định pháp luật hiện hành về giới hạn góp vốn, mua cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của nhà đầu tư nước ngoài khi thực hiện chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu và/hoặc thực hiện chứng quyền đối với trái phiếu kèm theo chứng quyền;
      ii. Việc chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu, thực hiện chứng quyền đối với trái phiếu kèm theo chứng quyền chỉ được thực hiện sau khi NHNN chấp thuận cho Ngân hàng tăng Vốn điều lệ theo quy định của NHNN về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.
   c. Hội đồng quản trị Ngân hàng quy định cụ thể các nội dung chưa được quy định chi tiết trong phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền và các nội dung khác liên quan đến việc phát hành trái phiếu.
4. Thủ tục, hồ sơ xin phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền được thực hiện theo các quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền và các quy định pháp luật hiện hành khác có liên quan.
5. Khi thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và/hoặc thực hiện chứng quyền

[57] Khoản 3 Điều 134 Luật Doanh nghiệp.
[58] Khoản 2 Điều 107 và điểm b khoản 2 Điều 114 Luật Các tổ chức tín dụng; Luật Chứng khoán; Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

đối với trái phiếu kèm theo chứng quyền, Ngân hàng và người sở hữu trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm theo chứng quyền thực hiện theo quy định của NHNN về hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận tăng vốn điều lệ của tổ chức tín dụng.

6. Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của Ngân hàng được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của Ngân hàng.[59]

Chương 6

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ

Điều 21. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát[60]

1. Cơ cấu tổ chức quản lý và kiểm soát của Ngân hàng gồm các cơ quan:
   a. Đại hội đồng cổ đông;
   b. Hội đồng quản trị;
   c. Ban kiểm soát;
   d. Tổng giám đốc;
   e. Bộ máy giúp việc.
2. Hội đồng quản trị quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy quản lý, điều hành phù hợp với quy định của pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
3. Ban Kiểm soát quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định pháp luật và quy mô hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.

Chương 7

CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 22. Quyền của cổ đông[61]

1. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
   a. Các quyền theo quy định tại Điều 61 Luật Các tổ chức tín dụng, cụ thể như sau:
      i. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo uỷ quyền; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
      ii. Nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
      iii. Chuyển nhượng cổ phần, quyền mua cổ phần cho cổ đông khác của Ngân hàng hoặc tổ chức, cá nhân khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
      iv. Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Ngân hàng;
      v. Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình;

[59] Điều 8 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP (sau đây gọi tắt là "Thông tư số 116/2020/TT-BTC").
[60] Khoản 1 Điều 40 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 11 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
[61] Điều 61 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

vi. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;

vii. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ này, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

viii. Khi Ngân hàng giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Ngân hàng sau khi Ngân hàng đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Ngân hàng theo quy định của pháp luật;

ix. Ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền được ủy quyền lại bằng văn bản cho người khác nếu được cổ đông đồng ý; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình;

x. Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này và theo quy định của pháp luật;

xi. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc tỷ lệ khác thấp hơn theo quy định tại Điều lệ này (nếu có) có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát; và

xii. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền theo quy định tại khoản 10 Điều 61 Luật Các tổ chức tín dụng và khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, cụ thể như sau:

i. Xem xét, tra cứu và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Ngân hàng;

ii. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Ngân hàng; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;

iii. Đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp nhưng danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng quản trị theo thời hạn do Hội đồng quản trị quy định:

- Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thoả mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;
- Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05 % (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
- Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn

số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm và các cổ đông khác đề cử theo quy định tại Điều lệ, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Cơ chế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ngân hàng phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát được công bố bao gồm:
  + Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
  + Trình độ chuyên môn;
  + Quá trình công tác;
  + Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
  + Lợi ích có liên quan tới Ngân hàng và các bên có liên quan của Ngân hàng;
  + Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ này;
  + Ngân hàng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có).
- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

iv. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

c. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông có quyền yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định tại khoản 4 Điều 24 Điều lệ này.

2. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi biểu quyết (nếu có) có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 116 Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức (nếu có) có các quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 117 Luật Doanh nghiệp.

Điều 23. Nghĩa vụ của cổ đông[62]

[62] Điều 62 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 119 Luật Doanh nghiệp 2020 và Điều 13 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

1. Cổ đông phổ thông của Ngân hàng phải thực hiện các nghĩa vụ sau:

   a. Thanh toán đủ số tiền tương ứng với số cổ phần đã cam kết mua trong thời hạn do Ngân hàng quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi vốn cổ phần đã góp vào Ngân hàng;

   b. Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi Ngân hàng dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được Ngân hàng hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong Ngân hàng phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Ngân hàng trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;

   c. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại Ngân hàng; không sử dụng nguồn vốn do Ngân hàng và/hoặc các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác cấp tín dụng, nguồn vốn do phát hành trái phiếu doanh nghiệp để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần của Ngân hàng; không được góp vốn, mua cổ phần của Ngân hàng dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật;

   d. Tuân thủ Điều lệ và các quy định nội bộ của Ngân hàng;

   e. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:

      i. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

      ii. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;

      iii. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

      iv. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

      v. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác phù hợp với quy định pháp luật;

   f. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

   g. Cung cấp địa chỉ và thông tin chính xác khi đăng ký mua cổ phần hoặc khi nhận chuyển nhượng cổ phần;

   h. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Ngân hàng dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác và thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Ngân hàng;

   i. Bảo mật các thông tin được Ngân hàng cung cấp theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được Ngân hàng cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;

   j. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ này.

2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho Ngân hàng thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong Ngân hàng; nếu không cung cấp thông tin hoặc cung cấp thông tin không đúng, không chính xác, không đầy đủ cho Ngân hàng, trong trường hợp Ngân hàng phát hiện ra chủ sở hữu thực sự, Ngân hàng

có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông nhận ủy thác đầu tư liên quan đến số cổ phần không công khai hoặc công khai không đúng chủ sở hữu thực sự.

Điều 24. Đại hội đồng cổ đông, thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông[63]

1. Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên có thể được gia hạn theo quyết định của Hội đồng Quản trị, nhưng không quá 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, đặc biệt là để thông qua báo cáo tài chính năm được kiểm toán. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của Ngân hàng có các ý kiến ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối, Ngân hàng phải mời đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của Ngân hàng.

3. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
   a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, phương án phân phối lợi nhuận;
   b. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị;
   c. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Ngân hàng, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
   d. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
   e. Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại, mức cổ tức thanh toán hằng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
   f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau đây:
   a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng;
   b. Số thành viên Ban kiểm soát, thành viên Hội đồng quản trị còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và/hoặc Điều lệ này, bao gồm cả trường hợp vi phạm về số thành viên độc lập của Hội đồng quản trị, thành viên không phải là Người điều hành ngân hàng tối thiểu theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng;
   c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Điều lệ này; Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp này phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các

[63] Điều 67 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 139, Điều 140 Luật Doanh nghiệp và Điều 14 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

e. Quyết định nội dung theo yêu cầu của NHNN khi xảy ra sự kiện ảnh hưởng đến an toàn hoạt động của Ngân hàng;

f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn:

a. 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị, Thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại như quy định tại điểm b khoản 4 Điều này[64];

b. 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu hợp lệ quy định tại điểm c, điểm d và điểm e khoản 4 Điều này[65].

Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên khác của Hội đồng quản trị phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Ngân hàng.

6. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này[66].

Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Ngân hàng.

7. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 22 Điều lệ này đã yêu cầu có quyền đại diện Ngân hàng triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều lệ này[67].

8. Người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện các công việc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 29 Điều lệ này.

9. Chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy tại các khoản 5, 6 và 7 Điều này sẽ được Ngân hàng hoàn lại, với điều kiện là các chi phí này phải có chứng từ hợp lệ. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 25. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông[68]

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên Sổ đăng ký người sở hữu chứng khoán do Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam lập và cấp theo yêu cầu của Ngân hàng[69]. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập

[64] Khoản 2 Điều 50 và khoản 6 Điều 51 Luật Các tổ chức tín dụng.
[65] Khoản 2 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
[66] Khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
[67] Điểm d khoản 2 Điều 67 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.
[68] Điều 141 Luật Doanh nghiệp.
[69] Khoản 1 Điều 141 Luật Doanh nghiệp; Khoản 3 Điều 2 Thông tư số 119/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 quy định hoạt động đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán và các văn bản sửa đổi, bổ sung.

không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Ngân hàng phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng (tức ngày chốt danh sách cổ đông). Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 27 Điều lệ này.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Ngân hàng.

2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 (ba) người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp cử nhiều người đại diện theo uỷ quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo uỷ quyền phải được thông báo bằng văn bản đến Ngân hàng trong thời hạn sớm nhất và chỉ có hiệu lực đối với Ngân hàng kể từ ngày Ngân hàng nhận được văn bản thông báo này hoặc theo thời điểm khác được ghi nhận cụ thể trong thông báo. Thông báo phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;

   b. Số lượng cổ phần, loại cổ phần và ngày đăng ký cổ đông tại Ngân hàng;

   c. Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu cổ phần tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;

   d. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo uỷ quyền;

   e. Thời hạn uỷ quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền, trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;

   f. Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo uỷ quyền và người đại diện theo pháp luật của cổ đông;

3. Đại hội đồng cổ đông có các quyền hạn và nhiệm vụ sau đây:[70]

   a. Thông qua định hướng phát triển của Ngân hàng;

   b. Thông qua Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ của Ngân hàng;

[70] Khoản 3 Điều 67 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 2 Điều 138 Luật Doanh nghiệp.

c. Thông qua Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát;

d. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát từng nhiệm kỳ; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát phù hợp với các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;

e. Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;

f. Xem xét và xử lý theo thẩm quyền vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng;

g. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý của Ngân hàng;

h. Thông qua phương án thay đổi mức Vốn điều lệ; thông qua phương án chào bán cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;

i. Thông qua phương án mua lại cổ phần đã bán;

j. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền;

k. Thông qua phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp Ngân hàng được can thiệp sớm;

l. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán; thông qua phương án phân phối lợi nhuận và mức cổ tức được trả sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Ngân hàng;

m. Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;

n. Quyết định thành lập hoặc chuyển đổi các hình thức pháp lý hiện diện thương mại ở nước ngoài, công ty con của Ngân hàng;

o. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

p. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;

q. Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất giữa Ngân hàng với các đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 42 Điều lệ này, trừ trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc;

r. Quyết định việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý, tổ chức lại, giải thể (thanh lý và chỉ định người thanh lý) hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản Ngân hàng;

s. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của Ngân hàng;

t. Quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo;[71]

u. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:[72]

a. Các hợp đồng quy định tại điểm q khoản 3 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan đến cổ đông đó là một bên của hợp đồng hoặc có lợi ích liên quan đến hợp đồng, hoặc có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng;

b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó, trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.

5. Đại hội đồng cổ đông thường niên thảo luận và thông qua tối thiểu báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán và báo cáo của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao quy định tại điểm l và điểm m khoản 3 Điều này và các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 27. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông[73]

1. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp, ủy quyền bằng văn bản cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại điểm e khoản 1 Điều 23 Điều lệ này.

2. Việc uỷ quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo quy định của pháp luật về dân sự và theo mẫu của Ngân hàng và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền và có chữ ký theo quy định sau đây:

a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người uỷ quyền thì phải có chữ ký của cổ đông đó và người được uỷ quyền dự họp;

b. Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được uỷ quyền dự họp.

Người được uỷ quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải xuất trình văn bản uỷ quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông

[71] Điểm t khoản 3 Điều 67 Luật Các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 7 Thông tư số 51/2024/TT-NHNN ngày 29/11/2024 quy định về kiểm toán độc lập đối với ngân hàng thương mại, tổ chức tín dụng phi ngân hàng, tổ chức tài chính vi mô.
[72] Khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
[73] Điều 144 Luật Doanh nghiệp.

là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Ngân hàng), trong đó nêu rõ cổ đông đồng ý cho phép việc ủy quyền lại.

3. Phiếu biểu quyết của người được uỷ quyền dự họp trong phạm vi được uỷ quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
   a. Người uỷ quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
   b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
   c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.
4. Quy định tại khoản 3 Điều này không áp dụng nếu Ngân hàng nhận được thông báo bằng văn bản về một trong các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này trước giờ khai mạc cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.[74]

Điều 28. Thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% (một trăm phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.[75]
3. Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày thông qua; việc gửi Nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng[76].
4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông về nội dung quy định tại các điểm a, d, f và r khoản 3 Điều 26 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.[77]
5. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản khi bảo đảm các điều kiện sau đây:[78]
   a. Trừ trường hợp quy định tại các điểm b, c, d khoản này và khoản 6 Điều này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên **50% (năm mươi phần trăm)** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên **50% (năm mươi phần trăm)** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.
   b. Đối với quyết định về nội dung quy định tại các điểm h và p khoản 3 Điều 26 Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên **65% (sáu mươi lăm phần trăm)** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận hoặc khi được số cổ đông đại diện trên **65% (sáu mươi lăm phần trăm)** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.
   c. Đối với quyết định về nội dung quy định tại điểm r khoản 3 Điều 26 Điều lệ này thì phải được số cổ đông đại diện trên **65% (sáu mươi lăm phần trăm)** tổng số phiếu biểu quyết

[74] Điều 16 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
[75] Khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp.
[76] Khoản 5 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.
[77] Khoản 5 Điều 67 Luật Các tổ chức tín dụng.
[78] Khoản 4 Điều 67 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận.

d. Đối với quyết định làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ **75% (bảy mươi lăm phần trăm)** tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên chấp thuận hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ **75% (bảy mươi lăm phần trăm)** tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên chấp thuận trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản.

6. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử được thông qua tại đại hội hoặc theo Điều lệ này.

7. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định tại Điều 31 Điều lệ này.

Điều 29. Chương trình và nội dung họp, mời họp Đại hội đồng cổ đông[79]

1. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng cổ đông:

a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu cuộc họp, gồm:

i. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông;

ii. Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;

iii. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;

iv. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;

v. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát[80];

vi. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

vii. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;

viii. Các công việc khác phục vụ đại hội.

b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ **05% (năm phần trăm)** tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Ngân hàng chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông và vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

[79] Điều 140 và Điều 142 Luật Doanh nghiệp.
[80] Điểm đ khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

c. Trường hợp người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông từ chối kiến nghị quy định tại điểm b khoản này thì chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại điểm b khoản này nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

i. Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại điểm b khoản này;

ii. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông kiến nghị không nắm giữ đủ từ **05% (năm phần trăm)** tổng số cổ phần phổ thông trở lên;

iii. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

iv. Trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

d. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại điểm b khoản này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại điểm c khoản này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

2. Mời họp Đại hội đồng cổ đông:[81]

a. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 21 (hai mươi mốt) ngày trước ngày khai mạc. Thông báo được gửi bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông và đăng trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán.

Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ liên lạc của cổ đông hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp (nếu có).

b. Kèm theo thông báo mời họp phải có chương trình họp, các tài liệu sử dụng thảo luận trong cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát; dự thảo Nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp và phiếu biểu quyết.

c. Việc gửi tài liệu họp kèm theo thông báo mời họp quy định tại điểm b khoản này có thể thay thế bằng đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng. Trường hợp này, thông báo mời họp phải ghi rõ nơi, cách thức tải tài liệu.

Điều 30. Điều kiện tiến hành họp, thể thức tiến hành họp và biểu quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:[82]

a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên **50% (năm mươi phần trăm)** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a khoản này thì thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai

[81] Điều 143 Luật Doanh nghiệp; khoản 3 Điều 18 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
[82] Điều 145 Luật Doanh nghiệp.

được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ **33% (ba mươi ba phần trăm)** tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.

c. Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm b khoản này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.

d. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại khoản 2 Điều 29 của Điều lệ này.

e. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã đủ điều kiện tiến hành nhưng (i) Đại hội đồng cổ đông không thông qua được chương trình họp; hoặc (ii) Đại hội đồng cổ đông không thông qua được nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông; hoặc (iii) cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị dừng lại vì lý do bất khả kháng và không thông qua được việc tiếp tục tiến hành vào thời gian khác thì được xem là cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã không đủ điều kiện tiến hành và được tính là một lần triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, các lần triệu tập họp tiếp theo tương tự theo quy định tại điểm b, điểm c khoản này.

2. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông:[83]

a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Ngân hàng phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông dự họp Đại hội đồng cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Ngân hàng cấp cho từng cổ đông có quyền biểu quyết hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông đó một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, tên đầy đủ của cổ đông, họ và tên người đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó.

c. Việc bầu Chủ toạ, thư ký và ban kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định như sau:

i. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ toạ hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị khác làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông do Hội đồng quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ toạ cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ toạ thì Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp;

ii. Trừ trường hợp quy định trên, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ toạ cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ toạ cuộc họp;

iii. Chủ toạ cử một hoặc một số người làm thư ký lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông;

iv. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

[83] Điều 146 Luật Doanh nghiệp; Điều 20 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

d. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Chương trình và nội dung họp có thể được Đại hội đồng cổ đông thông qua toàn bộ hoặc một phần và nếu chỉ thông qua được một phần thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành với một phần chương trình và nội dung được thông qua, phần nội dung không được thông qua sẽ được xem xét thông qua trong một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khác tiếp theo.

e. Chủ toạ Đại hội đồng cổ đông có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều hành cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua, phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp và phải bảo đảm:

   i. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

   ii. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;

   iii. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

f. Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

g. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được uỷ quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại Đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ toạ không được dừng cuộc họp để những người đến muộn đăng ký; trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không thay đổi.

h. Người triệu tập họp hoặc chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có quyền:

   i. Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác;

   ii. Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ toạ, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

i. Chủ toạ có quyền hoãn hoặc tạm dừng cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn/tạm dừng cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong trường các trường hợp sau đây:

   i. Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;

   ii. Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không đảm bảo cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;

   iii. Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp.

j. Trường hợp chủ toạ hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại điểm i khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ toạ điều hành cuộc họp (theo tỷ lệ thông qua trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp) cho đến lúc kết thúc, tất cả các nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

k. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

l. Trường hợp Ngân hàng áp dụng công nghệ thông tin hiện đại để tổ chức Đại hội đồng cổ đông thông qua họp trực tuyến, Ngân hàng có trách nhiệm đảm bảo để cổ đông tham dự, biểu quyết bằng hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác phù hợp với quy định pháp luật và Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông trực tuyến và biểu quyết, bỏ phiếu bằng phương thức điện tử của Ngân hàng.

3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông:[84]

a. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

i. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính;

ii. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

iii. Chương trình và nội dung cuộc họp;

iv. Chủ toạ và thư ký;

v. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;

vi. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

vii. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

viii. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

ix. Họ, tên, chữ ký của chủ toạ và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định từ tiết (i) đến tiết (viii) điểm này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

b. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.

[84] Điều 150 Luật Doanh nghiệp.

c. Chủ toạ và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

d. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp; việc gửi biên bản họp có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.[85]

e. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

Điều 31. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông[86]

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến các cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Ngân hàng, trừ các vấn đề phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết, quyết định và gửi đến tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết và công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng[87] chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo nghị quyết, quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng cổ đông.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của Ngân hàng;
   b. Mục đích lấy ý kiến;
   c. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
   d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
   e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
   f. Thời hạn phải gửi về Ngân hàng phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
   g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Ngân hàng theo một trong các hình thức sau đây:
   a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.
   b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

[85] Khoản 5 Điều 150 Luật Doanh nghiệp.
[86] Điều 149 Luật Doanh nghiệp.
[87] Điểm b khoản 3 Điều 11 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

c. Gửi Phiếu lấy ý kiến thông qua hệ thống trực tuyến theo hướng dẫn và phù hợp với quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ.

d. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức, trừ trường hợp lấy ý kiến bằng phương thức điện tử thông qua hệ thống trực tuyến.

e. Các phiếu lấy ý kiến gửi về Ngân hàng sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử hoặc gửi thông qua hệ thống trực tuyến là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến của bất kỳ cổ đông nào không được gửi về Ngân hàng vì bất kỳ lý do nào được coi là cổ đông đó không tham gia biểu quyết.

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Ngân hàng. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

   b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua;

   c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

   d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

   e. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

   f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.

   Các thành viên Hội đồng quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu và nghị quyết, quyết định phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu; việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết, quyết định có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

8. Nghị quyết, quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như nghị quyết, quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi rõ trong nghị quyết, quyết định đó.[88]

[88] Điều 152 Luật Doanh nghiệp.

2. Trong vòng 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp hoặc từ ngày kết thúc kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản, tất cả nghị quyết, quyết định được Đại hội đồng cổ đông thông qua phải được gửi đến NHNN.[89]

Điều 33. Hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông[90]

1. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết, quyết định hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Toà án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết, quyết định hoặc một phần nội dung nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
   a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 28 Điều lệ này;
   b. Nội dung nghị quyết, quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết, quyết định Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này, nghị quyết, quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết, quyết định đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Chương 8

ĐIỀU KHOẢN CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ MỘT SỐ CHỨC DANH KHÁC

Điều 34. Nhiệm vụ chung

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản trị Ngân hàng, có toàn quyền nhân danh Ngân hàng để quyết định, thực hiện các quyền, nghĩa vụ của Ngân hàng, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.[91]
2. Ban kiểm soát là cơ quan giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.[92]
3. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc. Tổng giám đốc là người điều hành cao nhất của Ngân hàng, chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.[93]
4. Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm các chức danh này. Những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên

[89] Điều 68 Luật Các tổ chức tín dụng.
[90] Điều 151, Khoản 3 Điều 152 Luật Doanh nghiệp 2020.
[91] Khoản 1 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 1 Điều 153 Luật Doanh nghiệp.
[92] Khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 52 Luật Các tổ chức tín dụng.
[93] Khoản 1 và 2 Điều 55 Luật Các tổ chức tín dụng.

Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng phải thuộc danh sách đã được NHNN chấp thuận.[94]

5. Ngân hàng phải thông báo cho NHNN danh sách người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày bầu, bổ nhiệm[95].

6. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng thực hiện theo các quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và phải báo cáo NHNN bằng văn bản kèm tài liệu liên quan trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự này.[96]

7. Ngân hàng phải xây dựng cơ chế ủy quyền, phân công trong nội bộ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và bộ máy giúp việc phù hợp với các quy định của pháp luật để đảm bảo việc quản trị, điều hành Ngân hàng được an toàn, hiệu quả và thông suốt.

Điều 35. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, không cùng đảm nhiệm chức vụ, tiêu chuẩn để được bầu, bổ nhiệm[97]

1. ***Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ[98]:***

   a. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Tổng Giám đốc (Giám đốc) Công ty con của Ngân hàng:

      i. Người chưa thành niên; người có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

      ii. Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự; đang chấp hành hình phạt tù; đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc; đang bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định;

      iii. Người đã bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;

      iv. Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xóa án tích;

      v. Cán bộ, công chức, viên chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng hoặc được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát Ngân hàng theo yêu cầu nhiệm vụ;

      vi. Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân, viên chức quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp, công nhân công an trong cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước, của doanh nghiệp mà Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên tại Ngân hàng;

---

[94] Khoản 1 Điều 44 Luật Các tổ chức tín dụng và Thông tư số 20/2025/TT-NHNN ngày 31/07/2025 hướng dẫn về thủ tục, hồ sơ chấp thuận danh sách dự kiến nhân sự của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tổ chức tín dụng phi ngân hàng (sau đây gọi tắt là "Thông tư 20/2025/TT-NHNN").
[95] Khoản 3 Điều 44 Luật Các tổ chức tín dụng.
[96] Khoản 3 Điều 46 Luật Các tổ chức tín dụng.
[97] Điều 41, 42 và 43 Luật Các tổ chức tín dụng.
[98] Điều 42 Luật Các tổ chức tín dụng.

vii. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

b. Vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc là người phụ trách tài chính của Ngân hàng.

c. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ này của Ngân hàng:

i. Người thuộc đối tượng quy định tại điểm a của khoản này;

ii. Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

iii. Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Tổng giám đốc (Giám đốc), thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của doanh nghiệp, thành viên Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc (Giám đốc) hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã đó bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp được cử, chỉ định, bổ nhiệm tham gia quản lý, điều hành, kiểm soát doanh nghiệp, hợp tác xã là tổ chức tín dụng bị tuyên bố phá sản theo yêu cầu nhiệm vụ;

iv. Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng thành viên; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Tổng giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 47 của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan có thẩm quyền xác định người đó có vi phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;

v. Người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 44 của Điều lệ này;

vi. Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng.

2. ***Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ[99]:***

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng không được đồng thời là người điều hành, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng và tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác.

b. Thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng không phải là thành viên độc lập không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

i. Người điều hành của Ngân hàng, trừ trường hợp là Tổng giám đốc của Ngân hàng;

ii. Người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng khác, người quản lý doanh nghiệp khác, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành Công ty con của Ngân hàng

[99] Điều 43 Luật Các tổ chức tín dụng.

hoặc của công ty mẹ của Ngân hàng hoặc trường hợp thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt;

iii. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

c. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị của Ngân hàng không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây:

i. Người điều hành của Ngân hàng;

ii. Người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng khác; người quản lý trên 02 doanh nghiệp khác;

iii. Kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác.

d. Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng không được đồng thời đảm nhiệm một trong các chức vụ sau đây, trừ trường hợp là người quản lý, người điều hành, nhân viên của tổ chức tín dụng nhận chuyển giao bắt buộc theo phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt:

i. Người quản lý, Người điều hành của Ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác; nhân viên của Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng;

ii. Nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng là thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó.

e. Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ này của Ngân hàng không được đồng thời là người quản lý, người điều hành, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, doanh nghiệp khác, trừ trường hợp Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ này của Ngân hàng là người quản lý, người điều hành Công ty con của Ngân hàng hoặc của công ty mẹ của Ngân hàng.

3. ***Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm:***[100]

a. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị:

i. Không thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

ii. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc NHNN;

iii. Có trình độ từ đại học trở lên;

iv. Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 03 (ba) năm là người quản lý, người điều hành tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm là người quản lý doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với Ngân hàng thương mại; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.

v. Đối với thành viên độc lập Hội đồng quản trị: ngoài những tiêu chuẩn nêu tại điểm này, phải đảm bảo yêu cầu về tiêu chuẩn và tính độc lập theo quy định tại khoản 4 của Điều này.

b. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban kiểm soát:

i. Không thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

[100] Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng.

ii. Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Ngân hàng; không là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng trong 03 (ba) năm liền trước đó;[101]

iii. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc NHNN;

iv. Có trình độ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

v. Có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

vi. Không phải là người có liên quan của Người quản lý ngân hàng;

vii. Không phải là người có quan hệ gia đình của Người quản lý ngân hàng, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại Ngân hàng;[102]

viii. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Ngân hàng;[103]

ix. Trưởng ban kiểm soát phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

c. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng giám đốc:

i. Không thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này;

ii. Không được là người có quan hệ gia đình của Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng; người đại diện phần vốn nhà nước, người đại diện phần vốn của doanh nghiệp tại Ngân hàng;[104]

iii. Có đạo đức nghề nghiệp theo quy định của Thống đốc NHNN;

iv. Có trình độ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán;

v. Có một trong các điều kiện sau đây: có ít nhất 05 (năm) năm là người điều hành tổ chức tín dụng; hoặc có ít nhất 05 (năm) năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với ngân hàng thương mại và có ít nhất 05 (năm) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán; hoặc có ít nhất 10 (mười) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán;

vi. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

d. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Tổng giám đốc (Giám đốc) Công ty con và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ này của Ngân hàng:

i. Không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều này đối với Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Tổng Giám đốc (Giám đốc) Công ty con; không thuộc đối tượng quy định tại điểm c khoản 1 Điều này đối với Phó Tổng giám đốc;

ii. Có một trong các điều kiện sau đây: có trình độ từ đại học trở lên về một trong các ngành tài chính, ngân hàng, kinh tế, quản trị kinh doanh, luật, kế toán, kiểm toán hoặc

[101] Khoản 2 Điều 286 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
[102] Khoản 2 Điều 169 Luật Doanh nghiệp.
[103] Khoản 1 Điều 286 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; khoản 2 Điều 4 Phụ lục IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
[104] Điểm b khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

ngành khác thuộc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc có trình độ từ đại học trở lên về ngành khác và có ít nhất 03 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm;

iii. Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;

iv. Kế toán trưởng còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật về kế toán.

4. ***Tiêu chuẩn, điều kiện về tính độc lập của Thành viên độc lập Hội đồng quản trị:***[105]

a. Không phải là người đang làm việc cho Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng hoặc đã làm việc cho Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng trong 03 năm liền kề trước đó;

b. Không phải là người hưởng lương, thù lao thường xuyên của Ngân hàng, ngoài những khoản thù lao của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng;

c. Không có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ, chồng của những người này là Cổ đông lớn, Người quản lý ngân hàng hoặc thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc Công ty con của Ngân hàng;

d. Không đại diện sở hữu cổ phần của Ngân hàng; không cùng với người có liên quan sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 01% (một phần trăm) Vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng;

e. Không phải là Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trong 05 (năm) năm liền kề trước đó.

Điều 36. Cung cấp, công bố công khai thông tin[106]

1. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và các chức danh tương đương theo quy định tại Điều lệ này của Ngân hàng phải cung cấp trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng văn bản cho Ngân hàng các thông tin sau đây trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin:

a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình hoặc mình và Người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần từ 05% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên, bao gồm cả phần vốn góp, cổ phần ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên;

b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế khác mà mình và người có liên quan là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, kiểm soát viên, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc (Giám đốc).

c. Thông tin về người có liên quan là cá nhân, bao gồm: họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp đối với người nước ngoài; mối quan hệ với người cung cấp thông tin;

d. Thông tin về người có liên quan là tổ chức, bao gồm: tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương; người đại diện theo pháp luật, mối quan hệ với người cung cấp thông tin.

[105] Khoản 2 Điều 41 Luật Các tổ chức tín dụng.
[106] Điều 49 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Cổ đông sở hữu từ 01% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng phải cung cấp trung thực, chính xác, đầy đủ, kịp thời bằng văn bản cho Ngân hàng các thông tin sau đây trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi thông tin:

   a. Họ và tên; số định danh cá nhân; quốc tịch, số hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp của cổ đông là người nước ngoài; số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ pháp lý tương đương của cổ đông là tổ chức; ngày cấp, nơi cấp của giấy tờ này;

   b. Thông tin về người có liên quan theo quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

   c. Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình tại Ngân hàng;

   d. Số lượng, tỷ lệ sở hữu cổ phần của người có liên quan của mình tại Ngân hàng.

   Đối với thông tin tại điểm c và d Khoản này, cổ đông chỉ phải cung cấp thông tin cho Ngân hàng khi có mức thay đổi về tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình, tỷ lệ sở hữu cổ phần của mình và người có liên quan từ 01% vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng so với lần cung cấp liền trước.

3. Ngân hàng phải niêm yết, lưu giữ thông tin quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này tại trụ sở chính của Ngân hàng và gửi báo cáo bằng văn bản cho NHNN trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp.

4. Định kỳ hàng năm, Ngân hàng công bố thông tin quy định tại các điểm a, b, d khoản 1 và các điểm a, c, d khoản 2 Điều này với Đại hội đồng cổ đông của Ngân hàng.

5. Ngân hàng phải công bố công khai thông tin về họ và tên cá nhân, tên tổ chức là cổ đông sở hữu từ 01% (một phần trăm) vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng và thông tin quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều này trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng nhận được thông tin cung cấp.

6. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Ngân hàng đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Ngân hàng.[107]

Điều 37. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng, thành viên Ban kiểm soát

1. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của từng thành viên Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quyết định, của từng thành viên Ban kiểm soát do Ban kiểm soát quyết định trên cơ sở tổng mức thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định; tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị xem xét, quyết định trên cơ sở phù hợp với quy định pháp luật và Điều lệ này.[108]

2. Thù lao, thưởng và các lợi ích khác của Thành viên Hội đồng quản trị được quy định tại Điều 47 Điều lệ này. Tiền lương, thù lao, thường và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được quy định tại Điều 60 Điều lệ này.

---

[107] Khoản 5 Điều 164 Luật Doanh nghiệp; khoản 3 Điều 20, Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
[108] Điểm đ, khoản 3 Điều 67 Luật Các tổ chức tín dụng; điểm k, khoản 2 Điều 138, điểm i khoản 2 Điều 153, điểm c khoản 2 Điều 163 và khoản 1 Điều 172 Luật Doanh nghiệp.

3. Căn cứ, phương pháp xác định thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác cho Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng, thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo chính sách của HDBank trong từng thời kỳ và do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị quyết định (tùy theo thẩm quyền).

Điều 38. Đương nhiên mất tư cách[109]

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc:
   a. Thuộc trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ quy định tại khoản 1 Điều 35 Điều lệ này;
   b. Là người đại diện phần vốn góp của một tổ chức là cổ đông của Ngân hàng khi tổ chức đó bị chấm dứt tồn tại;
   c. Không còn là người đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
   d. Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
   e. Khi Ngân hàng bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
   f. Khi hợp đồng thuê Tổng giám đốc hết hiệu lực;
   g. Chết.
2. Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày xác định được nhân sự đương nhiên mất tư cách theo quy định tại các điểm a, b, c, d, f và g khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị của Ngân hàng phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi NHNN và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm[110]

1. Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng bị miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
   a. Miễn nhiệm khi có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng;
   b. Bãi nhiệm khi không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 35 Điều lệ này;
   c. Bãi nhiệm khi thành viên độc lập Hội đồng quản trị không đáp ứng quy định tại điểm c khoản 2 và khoản 4 Điều 35 Điều lệ này;
   d. Bãi nhiệm khi không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công, vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan;
   e. Bãi nhiệm khi không tham gia hoạt động của Hội đồng quản trị (đối với thành viên Hội đồng quản trị), Ban kiểm soát (đối với thành viên Ban kiểm soát) trong 06 (sáu) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

[109] Điều 45 Luật Các tổ chức tín dụng.
[110] Điều 46 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 160, Điều 174 Luật Doanh nghiệp.

f. Bãi nhiệm khi bị cơ quan quản lý nhà nước xác định là vi phạm nghiêm trọng các quy định tại Điều 35, Điều 36, Điều 41 của Điều lệ này;

g. Miễn nhiệm/bãi nhiệm khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;

h. Các trường hợp khác do pháp luật quy định (nếu có).

2. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị bị bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị bầu một người trong số họ tạm thay thế và đảm nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời hạn chậm nhất 10 (mười) ngày kể từ ngày phát sinh sự kiện trên.[111]

3. Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng vẫn phải chịu trách nhiệm về các quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.

4. Trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các nhân sự theo quy định tại khoản 1 Điều này, Hội đồng quản trị Ngân hàng phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo NHNN và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này; đồng thời thực hiện các thủ tục bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Đình chỉ, tạm đình chỉ[112]

1. Trường hợp Ngân hàng bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban kiểm soát đặc biệt do NHNN thành lập có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Người điều hành ngân hàng nếu xét thấy cần thiết.

2. Trường hợp Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát; Người điều hành ngân hàng vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 35, khoản 11 Điều 41 của Điều lệ này, vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ này trong quá trình thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao hoặc không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều 35 của Điều lệ này, NHNN có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của các nhân sự vi phạm này; yêu cầu cơ quan có thẩm quyền của Ngân hàng miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế nếu xét thấy cần thiết.

3. Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị; Trưởng ban, thành viên khác của Ban kiểm soát, Người điều hành ngân hàng có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

4. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực hiện quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều này phải tham gia xử lý các tồn tại và vi phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của NHNN, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng hoặc Ban kiểm soát đặc biệt.

Chương 9

NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ NGÂN HÀNG, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG VÀ NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT QUYỀN LỢI

[111] Khoản 4 Điều 29, Phụ lục I và khoản 4 Điều 7, Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
[112] Điều 47 Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 41. Quyền, nghĩa vụ của Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng[113]

1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
2. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng.
3. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Ngân hàng, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Ngân hàng để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác làm tổn hại tới lợi ích của Ngân hàng và cổ đông của Ngân hàng.
4. Chịu trách nhiệm trong việc chấp hành các quy định hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động ngân hàng của Ngân hàng theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.
5. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ của Ngân hàng để cung cấp được các số liệu phục vụ cho hoạt động quản lý, điều hành, kiểm soát mọi hoạt động của Ngân hàng, hoạt động thanh tra, giám sát, kiểm tra của NHNN.
6. Am hiểu về các loại rủi ro trong hoạt động của Ngân hàng.
7. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Ngân hàng về quyền lợi của mình tại tổ chức khác, giao dịch với tổ chức, cá nhân khác có thể gây xung đột với lợi ích của Ngân hàng và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi được Hội đồng quản trị chấp thuận.
8. Không được tạo điều kiện để bản thân hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng khác của Ngân hàng với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của Ngân hàng.
9. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với Ngân hàng hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của Ngân hàng.
10. Không được tăng lương, thù lao hoặc yêu cầu trả thưởng cho Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng khi Ngân hàng bị lỗ.
11. Trong phạm vi quyền, nghĩa vụ được giao, có trách nhiệm thực hiện yêu cầu bằng văn bản của NHNN đối với các nội dung thuộc thẩm quyền của NHNN. Thực hiện khuyến nghị, cảnh báo rủi ro và an toàn hoạt động, cảnh báo nguy cơ dẫn đến vi phạm pháp luật về tiền tệ và ngân hàng; kết luận, kiến nghị, quyết định xử lý về thanh tra.
12. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

Điều 42. Tránh xung đột quyền lợi và giao dịch với Người có liên quan

1. Các hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng với các đối tượng sau: (i) Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Cổ đông lớn; (ii) người có liên quan của Người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, Cổ đông lớn; (iii) Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng không thuộc phạm vi, đối tượng điều chỉnh cấm theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản hướng dẫn Luật này chỉ được ký kết, nếu đảm bảo thực hiện đúng theo quy định sau đây:
   a. Đối với hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất thì phải được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận trước khi ký kết hoặc xác lập, trừ các hợp đồng, giao dịch khác quy định tại điểm b khoản này. Trong trường hợp này, Người đại diện Ngân hàng ký hợp đồng, giao

[113] Điều 48 Luật Các tổ chức tín dụng.

dịch phải thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát về đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị trình dự thảo hợp đồng, giao dịch hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Và trường hợp này, các cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết.[114]

b. Đối với hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất phát sinh trong trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc hoặc hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất thì phải được Hội đồng quản trị chấp thuận trước khi ký kết hoặc xác lập. Trong trường hợp này, Người đại diện Ngân hàng ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được thông báo. Và trường hợp này, thành viên Hội đồng quản trị có liên quan không có quyền biểu quyết.[115]

2. Trường hợp hợp đồng được ký kết hoặc giao dịch được xác lập mà chưa được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận theo quy định tại khoản 1 Điều này thì hợp đồng, giao dịch đó vô hiệu theo quyết định của tòa án và được xử lý theo quy định của pháp luật. Người ký kết hợp đồng, giao dịch, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị hoặc Tổng giám đốc có liên quan phải liên đới bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Ngân hàng khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.[116]

3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Ngân hàng, Công ty con, công ty khác do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính đối tượng đó hoặc với những người có liên quan của đối tượng đó theo quy định của pháp luật.[117]

4. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc, Người quản lý ngân hàng khácvà Người có liên quan của các đối tượng này: (i) chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Ngân hàng; (ii) không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.[118]

Điều 43. Trách nhiệm và bồi thường

1. ***Trách nhiệm:***

Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và các chức danh Người điều hành khác phải có nghĩa vụ chấp hành đúng các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Ngân hàng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình và phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra.

[114] Điểm r khoản 3 Điều 67 Luật Các tổ chức tín dụng; Khoản 4 Điều 167 Luật Doanh nghiệp .
[115] Khoản 9 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
[116] Khoản 5 Điều 167 Luật Doanh nghiệp.
[117] Khoản 3 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
[118] Khoản 2 và 5 Điều 291 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

2. ***Bồi thường:***

Ngân hàng sẽ bồi thường toàn bộ chi phí hợp lý về việc khiếu nại, tố tụng liên quan đối với công việc thuộc trách nhiệm được giao của lãnh đạo, cán bộ, nhân viên của Ngân hàng mà những người này phải tham gia, với điều kiện những người này hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Ngân hàng; đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của Ngân hàng. Ngân hàng có thể mua và duy trì bảo hiểm cho những người này đối với các trách nhiệm đó.

Chương 10

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ[119]

Điều 44. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều lệ này.
2. Hội đồng quản trị phải có tối thiểu 05 (năm) thành viên và không quá 11 (mười một) thành viên, trong đó phải có tối thiểu hai (02) thành viên độc lập Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên Hội đồng quản trị phải là thành viên độc lập Hội đồng quản trị và thành viên không phải là Người điều hành ngân hàng[120].
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể là thành viên độc lập Hội đồng quản trị nhưng không được kiêm Tổng giám đốc.[121]
4. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một cổ đông là tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng quản trị nhưng không được vượt quá 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước, bên nhận chuyển giao bắt buộc[122].
5. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc[123].
6. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị phải được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị NHNN chấp thuận nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của NHNN.[124]
7. Trong thời gian cổ phiếu Ngân hàng đã niêm yết, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, từ chức thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

---

[119] Điều 69 đến Điều 72 Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 154 đến Điều 160, Điều 163 Luật Doanh nghiệp.
[120] Khoản 1 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng.
[121] Khoản 1, 2 Điều 156 và khoản 1, 12 Điều 157 Luật Doanh nghiệp; khoản 2 Điều 29, Phụ lục I, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
[122] Khoản 3 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng.
[123] Khoản 2 Điều 69 Luật Các tổ chức tín dụng.
[124] Thông tư số 20/2025/TT-NHNN.

8. Trường hợp cổ đông nước ngoài (bao gồm cả người Việt Nam định cư ở nước ngoài) hoặc người đại diện phần vốn của cổ đông nước ngoài tham gia Hội đồng quản trị phải có thêm các điều kiện sau:

   a. Tỷ lệ số cổ đông nước ngoài hoặc người đại diện phần vốn của cổ đông nước ngoài tham gia thành viên Hội đồng quản trị chỉ được tương ứng với tỷ lệ vốn góp của tất cả các cổ đông nước ngoài tại Ngân hàng;

   b. Cổ đông nước ngoài hoặc người đại diện phần vốn của cổ đông nước ngoài không đồng thời làm thành viên Hội đồng quản trị tại nhiều hơn 02 (hai) tổ chức tín dụng tại Việt Nam;

   c. Cổ đông nước ngoài hoặc người đại diện phần vốn của cổ đông nước ngoài không được giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng.

Điều 45. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao và hoạt động của Ngân hàng.[125]
2. Đối xử bình đẳng với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến Ngân hàng.[126]
3. Đảm bảo hoạt động của Ngân hàng tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy chế, quy định nội bộ của Ngân hàng.[127]
4. Trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Điều lệ này. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị Ngân hàng lên Đại hội đồng cổ đông.[128]
5. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của Ngân hàng.[129]
6. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.[130]
7. Phê duyệt kế hoạch kinh doanh hàng năm, kế hoạch ngân sách, kế hoạch xây dựng cơ bản và mua sắm tài sản, kế hoạch lao động và tiền lương hàng năm.
8. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
9. Quyết định việc thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp của Ngân hàng.[131]
10. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị[132]; bổ nhiệm người phụ trách quản trị ngân hàng[133]; bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, thưởng, lợi

[125] Khoản 1 Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
[126] Khoản 2 Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
[127] Khoản 3 Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
[128] Khoản 2 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; điểm c khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp; và khoản 3 Điều 27, Phụ lục I, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
[129] Điểm a khoản 2 Điều 11, Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
[130] Điểm g khoản 2 Điều 11, Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
[131] Khoản 3 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.
[132] Điểm i khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp; điểm i khoản 2 Điều 11 Phụ lục III Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
[133] Khoản 7 Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

ích khác đối với Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc và Người điều hành ngân hàng khác thuộc thẩm quyền theo quy định nội bộ của Hội đồng quản trị.[134]

11. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị ngân hàng và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, Người phụ trách quản trị ngân hàng và Người quản lý khác.[135]

12. Thông qua phương án góp vốn, mua, bán cổ phần, phần vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác mà giá trị góp vốn, giá mua dự kiến hoặc giá trị ghi sổ trong trường hợp bán cổ phần, phần vốn góp có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.[136]

13. Cử người đại diện vốn góp của Ngân hàng tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.[137] Cử nhân sự tham gia vào các cơ quan quản trị, điều hành, kiểm soát tại các Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng.

14. Thông qua quyết định đầu tư, mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng mà mức đầu tư, giá mua dự kiến hoặc nguyên giá trong trường hợp bán tài sản cố định có giá trị từ 10% đến dưới 20% Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất[138].

15. Quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 136 của Luật Các tổ chức tín dụng và thông qua các khoản cấp tín dụng cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 135 của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Điều lệ này và pháp luật có liên quan.[139]

16. Thông qua các hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng với các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 42 Điều lệ này có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ trở lên ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất phát sinh trong trường hợp Ngân hàng đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc hoặc hợp đồng, giao dịch khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã kiểm toán gần nhất. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết[140].

17. Thông qua hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 10% Vốn điều lệ trở lên của Ngân hàng ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất[141].

18. Trích lập và sử dụng các quỹ, chia lợi tức cổ phần theo nghị quyết/quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

19. Giám sát và ngăn ngừa xung đột lợi ích của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác, bao gồm việc sử dụng tài sản Ngân hàng sai mục đích và lạm dụng các giao dịch với bên liên quan. [142]

---

[134] Khoản 4 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.
[135] Khoản 8 Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
[136] Khoản 6 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.
[137] Khoản 5 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.
[138] Khoản 7 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.
[139] Khoản 8 Điều 70, khoản 1 và khoản 3 Điều 135 Luật Các tổ chức tín dụng.
[140] Khoản 9 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.
[141] Khoản 10 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.
[142] Khoản 5 Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

20. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng giám đốc và Người quản lý ngân hàng khác trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng; đánh giá hằng năm về hiệu quả làm việc của Tổng giám đốc[143].

21. Giám sát phê duyệt tín dụng trong một số trường hợp theo quy định của HDBank trong từng thời kỳ.[144]

22. Ban hành quy chế tài chính, các quy định nội bộ liên quan đến tổ chức, quản trị và hoạt động của Ngân hàng phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan, trừ những nội dung thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát hoặc của Đại hội đồng cổ đông. Xây dựng Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.[145]

23. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của Ngân hàng.[146]

24. Xem xét, phê duyệt báo cáo thường niên.[147]

25. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán. [148] Quyết định huy động thêm vốn theo hình thức khác, trừ trường hợp huy động vốn thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Tổng giám đốc.[149]

26. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của Ngân hàng theo phương án phát hành đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.[150]

27. Phê duyệt phương án phát hành trái phiếu của Ngân hàng, trừ phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông.

28. Triển khai, thực hiện việc mua lại cổ phần của Ngân hàng theo nghị quyết/quyết định mua lại cổ phần đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của Điều lệ này và pháp luật có liên quan.

29. Quyết định mua lại cổ phần của Ngân hàng theo phương án được duyệt.[151]

30. Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật.[152]

31. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của mỗi loại.[153]

---

[143] Khoản 11 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng; điểm k khoản 2 Điều 27 Phụ lục I và điểm k khoản 2 Điều 11, Phụ lục III , Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
[144] Điểm b khoản 1 Điều 4 Thông tư số 22/2019/TT-NHNN ngày 15/11/2019 quy định các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và các văn bản sửa đổi, bổ sung (sau đây gọi tắt là "Thông tư số 22/2019/TT-NHNN").
[145] Khoản 12 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 37 Nghị định 135/2025/NĐ-CP; Khoản 4 và khoản 6 Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
[146] Khoản 13 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.
[147] Khoản 14 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.
[148] Khoản 15 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.
[149] Điểm c khoản 2 Điều 11, Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
[150] Khoản 16 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng; điểm d khoản 2 Điều 11, Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
[151] Khoản 17 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.
[152] Điểm e khoản 2 Điều 27 Phụ lục I và điểm e khoản 2 Điều 11, Phụ lục III , Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
[153] Điểm b khoản 2 Điều 11, Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

32. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể hoặc yêu cầu phá sản Ngân hàng. Phê duyệt và triển khai các nội dung liên quan đến phương án cơ cấu lại tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu theo quy định pháp luật và NHNN.

33. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của chủ sở hữu tại Công ty con của Ngân hàng, quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty con của Ngân hàng.

34. Quyết định việc điều chuyển tài sản giữa các đơn vị trong nội bộ Ngân hàng hoặc giữa các Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng.

35. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.[154] Quyết định việc tạm ứng cổ tức căn cứ theo kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính gần nhất của Ngân hàng, đảm bảo tuân thủ điều kiện được phép chi trả cổ tức theo quy định pháp luật. Thực hiện chi trả cổ tức cho cổ đông theo quy định pháp luật sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.[155]

36. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định, thông qua các nội dung thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, trừ những nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát.[156]

37. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị, chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.[157]

38. Tổ chức thực hiện, kiểm tra, giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị. [158]

39. Thành lập các ủy ban chuyên môn và/hoặc cơ quan giúp việc khác trực thuộc Hội đồng quản trị để đề xuất, tham mưu, giúp Hội đồng quản trị thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định pháp luật và Điều lệ. Hội đồng quản trị quyết định về việc thành lập, giải thể, quy định cụ thể về cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ chế hoạt động của các ủy ban chuyên môn và/hoặc cơ quan giúp việc này.[159]

40. Phối hợp với Kiểm toán nội bộ khi kiểm toán nội bộ về giám sát của quản lý cấp cao đối với Hội đồng quản trị; Thực hiện các kiến nghị của Ban kiểm soát đối với Hội đồng quản trị tại báo cáo kết quả kiểm toán nội bộ, báo cáo của Ban kiểm soát (nếu có) và thông báo cho Ban kiểm soát về kết quả thực hiện các kiến nghị này.[160]

41. Thông báo kịp thời cho NHNN thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc.[161]

---

[154] Khoản 18 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.
[155] Khoản 10 Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
[156] Khoản 19 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.
[157] Khoản 20 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng; điểm m khoản 2 Điều 11, Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
[158] Khoản 21 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.
[159] Khoản 4 và 5 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 14, Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
[160] Khoản 2 Điều 65 Thông tư số 83/2025/TT-NHNN ngày 31/12/2025 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (sau đây gọi tắt là "Thông tư số 83/2025/TT-NHNN").
[161] Khoản 22 Điều 70 Luật Các tổ chức tín dụng.

42. Giải quyết các khiếu nại của Ngân hàng đối với Người điều hành ngân hàng cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Ngân hàng để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với Người điều hành ngân hàng đó.
43. Quyết định mức bồi thường, quyết định việc phân cấp thẩm quyền về quyết định mức bồi thường mà người gây ra tổn thất về tài sản có trách nhiệm phải bồi thường thiệt hại cho Ngân hàng theo quy định pháp luật[162].
44. Xây dựng, cập nhật, điều chỉnh, thông qua và gửi NHNN phương án khắc phục dự kiến trong trường hợp Ngân hàng được can thiệp sớm theo đúng yêu cầu quy định pháp luật.
45. Quyết định việc mua lại, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể hoặc mở thủ tục phá sản Công ty con, Công ty liên kết của Ngân hàng theo quy định của pháp luật, của NHNN và Ủy ban Chứng khoán.
46. Xem xét và quyết định việc xuất toán khỏi ngoại bảng đối với các khoản nợ đã sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định pháp luật và các quy định nội bộ của Ngân hàng.
47. Phê duyệt báo cáo hàng năm về kết quả tự kiểm tra, đánh giá hoạt động kiểm soát của Ngân hàng theo quy định pháp luật[163].
48. Thông qua việc niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán đối với trái phiếu không phải là trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền do Ngân hàng chào bán thành công ra công chúng.
49. Tổ chức công tác theo dõi quản lý cổ đông của Ngân hàng.
50. Quản lý và sử dụng con dấu của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình phù hợp với quy định của Quy chế quản lý và sử dụng con dấu của Ngân hàng. [164]
51. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo ủy quyền, phân công, phân cấp, giao cho theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và quy định tại Điều lệ của Ngân hàng, quy định của pháp luật (nếu có).

Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền và/hoặc giao cho Người điều hành ngân hàng hoặc nhân viên cấp dưới thực hiện, xử lý một hoặc một số công việc cụ thể để triển khai và thực hiện một vấn đề mà Hội đồng quản trị đã thông qua.

Điều 46. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị

1. ***Chủ tịch Hội đồng quản trị của Ngân hàng có các quyền, nghĩa vụ sau đây:[165]***
   a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;
   b. Triệu tập và làm chủ toạ cuộc họp Hội đồng quản trị;
   c. Thay mặt Hội đồng quản trị ký văn bản thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
   d. Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

[162] Khoản 1 Điều 9 Nghị định 135/2025/NĐ-CP.
[163] Điểm a khoản 4 Điều 9 Thông tư số 83/2025/TT-NHNN.
[164] Khoản 3 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng.
[165] Điều 71 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 156 Luật Doanh nghiệp; Điều 29 Phụ lục I và Điều 7 Phụ lục III Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

e. Giám sát, tổ chức giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

f. Làm chủ toạ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

g. Bảo đảm thành viên Hội đồng quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng quản trị phải xem xét;

h. Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Hội đồng quản trị. Nội dung phân công nhiệm vụ cụ thể thành viên phải được thể hiện dưới dạng văn bản và có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị;

i. Giám sát thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ và nhiệm vụ được phân công;

j. Định kỳ hàng năm, đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các ủy ban chuyên môn của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả đánh giá này;

k. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình.

Trường hợp Chủ tịch HĐQT hoàn toàn không còn khả năng thực hiện nhiệm vụ của mình thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số quá bán cho đến khi có quyết định mới của HĐQT.

l. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính năm, báo cáo hoạt động của Ngân hàng, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

m. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm, miễn nhiệm theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày;

n. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật (nếu có).

2. ***Thành viên Hội đồng quản trị có các quyền, nghĩa vụ sau đây:***[166]

a. Cùng với các thành viên khác của Hội đồng quản trị thực hiện quản trị Ngân hàng theo quy định của pháp luật và Điều lệ, các quy chế và quy định nội bộ của Ngân hàng.

b. Thực hiện quyền, nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị theo đúng quy chế, quy định nội bộ của Hội đồng quản trị và sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực, cẩn trọng, vì lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; phát huy tính độc lập của thành viên độc lập Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền, nghĩa vụ; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

c. Xem xét báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu Người điều hành ngân hàng, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình, làm rõ các vấn đề có liên quan đến báo cáo.

d. Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị theo quy định của Điều lệ và pháp luật.

[166] Điều 72 Luật Các tổ chức tín dụng; khoản 5 và 6 Điều 41 Luật Chứng khoán; Điều 3 và khoản 1 Điều 4 Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

e. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

f. Tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, thảo luận và biểu quyết về nội dung thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ này, trừ trường hợp không được tham gia biểu quyết vì có xung đột lợi ích với thành viên đó. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị về quyết định của mình.

g. Không được ủy quyền cho người khác tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị để quyết định nội dung quy định tại các khoản 4, 10, 12, 14, 15, 16, 17, 22, 23, 24 và 34 Điều 45 của Điều lệ này.

h. Tham gia thực hiện chức năng giám sát phê duyệt tín dụng trong một số trường hợp theo quy định của HDBank trong từng thời kỳ.

i. Triển khai thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị.

j. Giải trình trước Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi có yêu cầu.

k. Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được (nếu có) từ Công ty con, Công ty liên kết và các tổ chức khác.

l. Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Ngân hàng, Công ty con, công ty khác do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những Người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là Người quản lý của doanh nghiệp trong thời gian 3 (ba) năm gần nhất trước thời điểm giao dịch[167].

m. Từng thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải lập báo cáo đánh giá về hoạt động của Hội đồng quản trị[168].

n. Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

o. Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm công khai các lợi ích liên quan, không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.[169]

p. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

Điều 47. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị[170]

1. Thành viên Hội đồng quản trị không đồng thời là Người điều hành ngân hàng và Thành viên độc lập Hội đồng quản trị được hưởng thù lao và tiền thưởng. Thành viên Hội đồng quản trị kiêm nhiệm Người điều hành ngân hàng được hưởng lương và tiền thưởng. Tổng mức thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị và Quỹ hoạt động của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

[167] Điểm d khoản 2 Điều 3 Phụ lục III, Thông tư số 116/2020/TT-BTC
[168] Khoản 3 Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
[169] Điểm a khoản 6 Điều 41 Luật Chứng khoán.
[170] Điều 163 Luật Doanh nghiệp; Điều 28, Phụ lục I, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được quyền được thanh toán các chi phí ăn, ở, đi lại và chi phí hợp lý khác mà họ trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các ủy ban chuyên môn của Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các ủy ban chuyên môn của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

4. Thù lao của Thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hàng năm của Ngân hàng và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 48. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị[171]

1. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị NHNN chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Hội đồng quản trị được thực hiện theo quy định của NHNN[172].

2. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày Chủ tịch Hội đồng quản trị bị đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tổ chức họp Hội đồng quản trị để bầu một thành viên Hội đồng quản trị (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật và Điều lệ này) làm Chủ tịch Hội đồng quản trị.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn, Hội đồng quản trị phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị mới theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

4. Thành viên Hội đồng quản trị muốn từ chức phải có đơn hoặc văn bản gửi Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.

5. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Điều lệ này, thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải tiến hành bầu bổ sung, bảo đảm số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt.

6. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Hội đồng quản trị mới để thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

7. Những người được bầu giữ chức Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị có trách nhiệm tiếp nhận và đảm nhiệm ngay công việc của chức danh được bầu. Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho

[171] Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 160 Luật Doanh nghiệp; Điều 29 Phụ lục I và Điều 7 Phụ lục III Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
[172] Thông tư 20/2025/TT-NHNN.

Chủ tịch, thành viên khác của Hội đồng quản trị mới được bầu xử lý; đồng thời phải chịu trách nhiệm đối với các quyết định của mình trong thời gian đảm nhiệm chức danh đó.

Điều 49. Cuộc họp của Hội đồng quản trị[173]

1. ***Cuộc họp đầu tiên:***

   Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. ***Các cuộc họp thường kỳ:***

   Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất mỗi quý phải họp một lần. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, chuẩn bị chương trình nghị sự, xác định thời gian và địa điểm họp ít nhất 07 (bảy) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến.

3. ***Các cuộc họp bất thường:***

   Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể triệu tập cuộc họp Hội đồng quản trị bất thường khi xét thấy cần thiết để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày rõ mục đích cuộc họp, các vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị:

   a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 (năm) Người quản lý khác;

   b. Ít nhất 02 (hai) thành viên Hội đồng quản trị;

   c. Chủ tịch Hội đồng quản trị;

   d. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

   e. Ban kiểm soát;

   f. Kiểm toán viên độc lập đang kiểm toán Ngân hàng (liên quan đến báo cáo tài chính được kiểm toán và tình hình tài chính của Ngân hàng);

   g. NHNN.

4. Chủ tịch hoặc thành viên Hội đồng quản trị được Chủ tịch ủy quyền phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được một trong các đề nghị theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp Chủ tịch hoặc người được ủy quyền không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng, trừ trường hợp không triệu tập họp được vì lý do bất khả kháng; trong trường hợp này, người đề nghị họp Hội đồng quản trị có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị dự họp bỏ phiếu bầu chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số quá bán.

[173] Điều 157 Luật Doanh nghiệp; Điều 279 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; và Điều 30, Phụ lục I, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

5. ***Thông báo và chương trình họp:***

a. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp bằng giấy mời qua đường bưu điện, điện thoại, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị quyết định. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Kèm theo thông báo mời họp phải có tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập phải gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát và Tổng giám đốc như đối với thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc không phải là thành viên Hội đồng quản trị, có quyền dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

b. Thông báo mời họp được gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương tiện khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị quyết định và phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Ngân hàng.

6. ***Số thành viên tham dự tối thiểu:***

a. Cuộc họp của Hội đồng quản trị chỉ được tiến hành khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

Thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm tham dự đầy đủ các phiên họp Hội đồng quản trị, nếu vắng mặt phải (i) báo cáo Hội đồng quản trị bằng văn bản và (ii) gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản về cuộc họp hoặc ủy quyền cho một thành viên Hội đồng quản trị khác tham dự và biểu quyết.

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự cuộc họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.

b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định tại điểm a khoản này, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn không quá 07 (bảy) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn ½ (một phần hai) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp. Sau 02 (hai) lần triệu tập họp Hội đồng quản trị mà không đủ số thành viên tham dự, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Hội đồng quản trị.

7. ***Biểu quyết:***

a. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó và/hoặc Người có liên quan của thành viên đó có lợi ích liên quan;

b. Khi có vấn đề phát sinh trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị liên quan đến lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị hoặc liên quan đến quyền biểu quyết một thành viên mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị đó, những vấn đề phát sinh đó sẽ được chuyển tới chủ toạ cuộc họp và quyết định của chủ toạ liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng quản trị khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.

Cho mục đích của đoạn b bên trên, thành viên Hội đồng quản trị và/hoặc Người có liên quan của thành viên đó hưởng lợi (một cách gián tiếp hoặc trực tiếp) từ một hợp đồng bất kỳ mà Ngân hàng là một bên ký kết sẽ được coi là có lợi ích liên quan trong hợp đồng đó;

c. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người trực tiếp dự họp.

8. ***Công khai lợi ích:***

a. Trước khi thực hiện biểu quyết, nếu Thành viên HĐQT theo sự hiểu biết của mình, thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thỏa thuận đang dự kiến ký kết hoặc đã được ký kết với HDBank, phải công bố bản chất quyền lợi liên quan tại cuộc họp HĐQT để HĐQT xem xét việc có quyền lợi, lợi ích liên quan tại các hợp đồng hoặc thỏa thuận đó không và quyết định về quyền biểu quyết của thành viên đó.

b. Trường hợp nếu sau này mới biết về sự tồn tại quyền lợi của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo cho HĐQT ngay lập tức sau khi biết được đã có quyền lợi liên quan và việc này sẽ được thảo luận tại cuộc họp HĐQT đầu tiên sau khi HĐQT nhận được thông báo về mối liên hệ giữa quyền lợi liên quan của thành viên HĐQT với một thỏa thuận hay một hợp đồng mà HDBank là một bên giao kết để HĐQT có quyết định phù hợp.

9. ***Biểu quyết đa số:***

Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số quá bán (trên 50%) thành viên Hội đồng quản trị dự họp, bao gồm cả phiếu biểu quyết bằng văn bản và phiếu biểu quyết theo uỷ quyền. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không tham gia cuộc họp và không ủy quyền biểu quyết hoặc không gửi phiếu biểu quyết bằng văn bản thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tọa cuộc họp.[174]

10. ***Tham dự và biểu quyết:***

Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:[175]

a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 6 Điều này;

c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác do Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị quyết định;

d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

e. Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác phù hợp với quy định của pháp luật, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị.

11. ***Biên bản họp Hội đồng quản trị***:

[174] Khoản 12 Điều 157 Luật Doanh nghiệp.
[175] Khoản 9 Điều 30 Phụ lục I Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

a. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản. Biên bản có các nội dung chủ yếu sau đây:

i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

ii. Mục đích, chương trình và nội dung họp;

iii. Thời gian, địa điểm họp;

iv. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được uỷ quyền dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;

v. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;

vi. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;

vii. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;

viii. Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

ix. Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp chủ tọa hoặc người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp.

b. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định từ tiết (i) đến tiết (viii) điểm a khoản này thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng do từ chối ký biên bản họp theo quy định tại Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

c. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

d. Nội dung được đa số thành viên dự họp tán thành và thông qua hợp lệ tại biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập thành nghị quyết của Hội đồng quản trị.[176] Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của Ngân hàng.

e. Biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị phải được lập bằng tiếng Việt và có thể bằng một thứ tiếng nước ngoài, và hai bản này có giá trị pháp lý ngang nhau. Trường hợp hai biên bản này có sự khác biệt về nội dung thì được giải thích theo biên bản được lập bằng tiếng Việt.

Điều 50. Bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị

1. ***Ủy ban chuyên môn:*** Hội đồng quản trị phải thành lập các ủy ban để tư vấn, tham mưu, giúp Hội đồng quản trị thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, trong đó phải có tối thiểu 02 ủy ban là: Ủy ban quản lý rủi ro và Ủy ban nhân sự.[177]

   Ngoài ra, Hội đồng Quản trị có thể thành lập các ủy ban chuyên môn khác để giúp Hội đồng quản trị tùy theo nhu cầu công việc, quản trị của từng thời kỳ theo quy định của pháp luật có liên quan. Việc thành lập, hoạt động, thành phần, vai trò và nhiệm vụ chính của các ủy ban

[176] Khoản 2 Điều 279 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
[177] Khoản 5 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng.

chuyên môn được thực hiện theo Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị quy định nhiệm vụ, quyền hạn của các ủy ban chuyên môn theo hướng dẫn của NHNN (nếu có).

2. ***Văn phòng Hội đồng quản trị:*** Hội đồng quản trị có cơ quan giúp việc chuyên trách là Văn phòng HĐQT. Chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị quy định[178].

3. ***Người phụ trách quản trị ngân hàng:*** Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm ít nhất một người phụ trách quản trị ngân hàng để hỗ trợ công tác quản trị nội bộ tại Ngân hàng. Người phụ trách quản trị không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng. Quyền hạn, nhiệm vụ và yêu cầu cụ thể đối với người phụ trách quản trị ngân hàng được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị và Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng.[179]

Điều 51. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
2. Thư ký Hội đồng quản trị chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, các tài liệu cần thiết có liên quan đến nội dung xin ý kiến. Phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Mục đích lấy ý kiến;
   b. Họ, tên và địa chỉ liên lạc của thành viên Hội đồng quản trị;
   c. Vấn đề cần lấy ý kiến;
   d. Phương án biểu quyết, bao gồm: tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
   e. Thời hạn gửi phiếu lấy ý kiến đã được trả lời về Văn phòng Hội đồng quản trị;
   f. Họ và tên, chữ ký của Chánh/Phó Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của thành viên Hội đồng quản trị và gửi về Văn phòng Hội đồng quản trị theo phương thức được quy định trong phiếu lấy ý kiến.
5. Thư ký Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự giám sát của Chánh Văn phòng Hội đồng quản trị. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
   a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của ngân hàng;
   b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến;
   c. Tổng số phiếu biểu quyết gửi đi, tổng số phiếu biểu quyết thu về, số phiếu biểu quyết hợp lệ, số phiếu biểu quyết không hợp lệ. Biên bản phải có phụ lục danh sách thành viên Hội đồng quản trị đã tham gia biểu quyết;
   d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề được xin ý kiến;

[178] Khoản 4 Điều 50 Luật Các tổ chức tín dụng.
[179] Điều 281 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Điều 32, Phụ lục I, Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

e. Họ, tên, chữ ký của người phụ trách kiểm phiếu, người giám sát.

6. Thư ký Hội đồng quản trị tham gia vào việc thu nhận và kiểm tra phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản và cùng với người giám sát kiểm phiếu chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu và các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kết quả kiểm phiếu kèm nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thông qua dựa trên kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.

8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết, quyết định đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Ngân hàng.

9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng quản trị.

Chương 11

TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 52. Tổng giám đốc[180]

1. Tổng giám đốc là Người điều hành cao nhất của Ngân hàng, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; đồng thời chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, trước pháp luật về việc điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Ngân hàng và việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ được giao.

2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc và sẽ ký một hợp đồng lao động quy định lương, thưởng, bồi thường, các quyền lợi, nghĩa vụ và các điều khoản khác đối với Tổng giám đốc. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và từ chức của Tổng giám đốc được thực hiện theo Luật Các tổ chức tín dụng, và các quy định có liên quan của NHNN. Lương, bồi thường và các quyền lợi của Tổng giám đốc phải được báo cáo với Đại hội đồng cổ đông và ghi tại Báo cáo thường niên của Ngân hàng.

3. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định nhưng không quá 05 (năm) năm. Tổng giám đốc có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng Giám đốc phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

4. Trường hợp khuyết Tổng giám đốc, Hội đồng quản trị phải bổ nhiệm Tổng giám đốc trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày khuyết Tổng giám đốc.

5. Giúp việc cho Tổng giám đốc có (các) Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng, những Người điều hành khác và bộ máy chuyên môn nghiệp vụ. Hội đồng quản trị quy định cụ thể cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ của bộ máy giúp việc cho Tổng giám đốc.

6. (Các) Phó Tổng giám đốc phụ trách và điều hành chính các mảng/lĩnh vực hoạt động của Ngân hàng theo sự phân công, phân nhiệm của Tổng giám đốc và chịu mọi trách nhiệm trước pháp luật, trước Hội đồng quản trị và Tổng giám đốc về các mảng/lĩnh vực được phân công, phân nhiệm.

7. Kế toán trưởng giúp Tổng giám đốc chỉ đạo thực hiện công tác kế toán, thống kê của Ngân hàng, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật.

Điều 53. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc và tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng giám đốc

[180] Điều 55 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

1. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị NHNN chấp thuận nhân sự dự kiến bầu, bổ nhiệm Tổng giám đốc được thực hiện theo quy định của NHNN.[181]
2. Tổng giám đốc sau khi có quyết định bổ nhiệm của Hội đồng quản trị, được đảm nhiệm ngay công việc của chức danh mới được bổ nhiệm; Tổng giám đốc cũ có trách nhiệm bàn giao công việc cho Tổng giám đốc mới xử lý và phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian có tư cách đảm nhiệm chức danh đó.
3. Trường hợp Tổng giám đốc bị cơ quan quản lý nhà nước xác định có dấu hiệu vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của NHNN và Điều lệ này, Hội đồng quản trị có quyền tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng giám đốc, đồng thời phải cử ngay một Phó Tổng giám đốc điều hành hoạt động Ngân hàng đảm bảo ngân hàng hoạt động ổn định, liên tục và có văn bản báo cáo, đề xuất xử lý đối với những sai phạm của Tổng giám đốc gửi NHNN giải quyết theo quy định pháp luật.
4. Trong thời gian Tổng giám đốc chưa được bổ nhiệm, Chủ tịch Hội đồng quản trị và các thành viên khác của Hội đồng quản trị, Trưởng Ban kiểm soát và các thành viên khác của Ban kiểm soát hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước cổ đông về mọi hoạt động của Ngân hàng.
5. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.
6. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp (trong trường hợp biểu quyết tại cuộc họp) hoặc đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết (trong trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản) tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.

Điều 54. Quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc[182]

1. Tổ chức thực hiện Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Ngân hàng.[183]
2. Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Ngân hàng mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.
3. Thiết lập, duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ hoạt động có hiệu quả.
4. Lập và trình Hội đồng quản trị thông qua hoặc để báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác.
5. Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin quản lý.
6. Báo cáo Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Đại hội đồng cổ đông và cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động và kết quả kinh doanh của Ngân hàng.
7. Quyết định áp dụng biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố và chịu trách nhiệm về quyết định đó, kịp thời báo cáo Hội đồng quản trị.

[181] Thông tư số 20/2025/TT-NHNN.
[182] Điều 56 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 162 Luật Doanh nghiệp.
[183] Điểm b và c khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp.

8. Kiến nghị, đề xuất phương án cơ cấu tổ chức và hoạt động của Ngân hàng, quy chế/quy định quản lý nội bộ của Ngân hàng trình Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông quyết định theo thẩm quyền.
9. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
10. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành của Ngân hàng, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
11. Ký kết hợp đồng, giao dịch khác nhân danh Ngân hàng theo quy định của Điều lệ và quy định nội bộ của Ngân hàng.
12. Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, xử lý lỗ trong kinh doanh của Ngân hàng.
13. Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng của người lao động theo thẩm quyền (kể cả Người quản lý ngân hàng thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng giám đốc).
14. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản cố định của Ngân hàng và các hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng có giá trị dưới 10% Vốn điều lệ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất, trừ các hợp đồng, giao dịch khác thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
15. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, tại Điều lệ này, các quy chế/quy định nội bộ của Ngân hàng, các quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Ngân hàng.

Chương 12

BAN KIỂM SOÁT

Điều 55. Thành phần và nhiệm kỳ[184]

1. Ban kiểm soát của Ngân hàng có tối thiểu 05 (năm) thành viên, trong đó phải có hơn một nửa số thành viên Ban kiểm soát thường trú tại Việt Nam.
2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.
3. Ban kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận Kiểm toán nội bộ để thực hiện nhiệm vụ của mình.
4. Nhiệm kỳ của Ban kiểm soát không quá 05 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
5. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều này thì trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung, đảm bảo số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt.

Điều 56. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát[185]

1. Ban kiểm soát thực hiện giám sát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.

---

[184] Điều 51 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 168 Luật Doanh nghiệp; Điều 38 Phụ lục I và Điều 6 Phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC

[185] Khoản 1 Điều 51 và Điều 52 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 170 Luật Doanh nghiệp; Điều 288 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Điều 39, Phụ lục I và Điều 11 Phụ lục IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

2. Giám sát hoạt động quản trị, điều hành Ngân hàng trong việc tuân thủ các quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ này và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
3. Ban hành quy định nội bộ của Ban kiểm soát; định kỳ hằng năm xem xét lại quy định nội bộ của Ban kiểm soát, quy định nội bộ của HDBank về kế toán và báo cáo. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
5. Tổ chức thực hiện kiểm toán nội bộ; được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản trị, điều hành và hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, có quyền sử dụng các nguồn lực của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; được thuê chuyên gia, tư vấn độc lập và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm về việc thực hiện nhiệm vụ của Ban kiểm soát.
6. Giám sát thực trạng tài chính, thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng đầu năm của Ngân hàng, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định các báo cáo này; đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
7. Giám sát việc thông qua và thực hiện dự án đầu tư, mua, bán tài sản cố định, hợp đồng, giao dịch khác của Ngân hàng thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị. Định kỳ hằng năm, lập và gửi báo cáo kết quả giám sát cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
8. Giám sát việc chấp hành các quy định pháp luật về các hạn chế để bảo đảm an toàn trong hoạt động của Ngân hàng.
9. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Ngân hàng.
10. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết hoặc trong các trường hợp sau đây:
    a. Theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
    b. Theo yêu cầu của NHNN hoặc của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật. Việc kiểm tra được thực hiện trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến tổ chức, cá nhân có yêu cầu.

    Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
11. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và cổ đông.

12. Kịp thời thông báo cho Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị khi phát hiện Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm Điều lệ này, quy định nội bộ của Ngân hàng, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; yêu cầu người vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có).
13. Lập danh sách cổ đông sáng lập trong thời hạn 05 năm kể từ ngày là cổ đông sáng lập, cổ đông sở hữu từ 01% Vốn điều lệ trở lên và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng, cổ đông sở hữu từ 01% Vốn điều lệ trở lên; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
14. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều lệ này.
15. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Các tổ chức tín dụng hoặc vượt quá thẩm quyền được giao hoặc trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
16. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
17. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Ngân hàng.
18. Tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ, các quy chế, quy định nội bộ của Ngân hàng và đạo đức nghề nghiệp trong việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.
19. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết.
20. Kịp thời báo cáo NHNN về các hành vi vi phạm quy định tại các khoản 8, 12 và 15 Điều này và các hành vi vi phạm về tỷ lệ sở hữu cổ phần, phần vốn góp, người có liên quan theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.
21. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
22. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
23. Ban kiểm soát có quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 171 Luật Doanh nghiệp.
24. Các nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật.

Điều 57. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát

1. ***Quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát:***[186]
   a. Tổ chức triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát quy định tại Điều lệ này và chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.
   b. Triệu tập và làm chủ tọa cuộc họp Ban kiểm soát.
   c. Thay mặt Ban kiểm soát ký văn bản thuộc thẩm quyền của Ban kiểm soát.

[186] Điều 53 Luật Các tổ chức tín dụng.

d. Thay mặt Ban kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường quy định tại khoản 15 Điều 56 Điều lệ này hoặc đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường.

e. Tham dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền phát biểu ý kiến nhưng không được biểu quyết.

f. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng quản trị nếu ý kiến đó khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

g. Chuẩn bị kế hoạch làm việc của Ban kiểm soát và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban kiểm soát.

h. Bảo đảm thành viên Ban kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và có đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban kiểm soát phải xem xét.

i. Giám sát, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ được phân công và quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát.

j. Chỉ được ủy quyền cho một thành viên khác của Ban kiểm soát thực hiện quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban kiểm soát trong thời gian vắng mặt hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ.

k. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật.

2. ***Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát:***[187]

a. Tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ này, nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, quy định nội bộ của Ban kiểm soát, đạo đức nghề nghiệp và thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng ban kiểm soát để triển khai nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất vì lợi ích hợp pháp tối đa của Ngân hàng và của cổ đông; chịu trách nhiệm về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

b. Trung thành với lợi ích của Ngân hàng và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Ngân hàng để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

c. Bầu một thành viên Ban kiểm soát làm Trưởng ban kiểm soát.

d. Yêu cầu Trưởng Ban kiểm soát triệu tập Ban kiểm soát họp bất thường.

e. Kiểm soát hoạt động kinh doanh, kiểm soát sổ sách kế toán, tài sản, báo cáo tài chính và kiến nghị biện pháp khắc phục.

f. Yêu cầu Người quản lý ngân hàng báo cáo, giải trình về thực trạng tài chính, kết quả kinh doanh của Công ty con, kế hoạch, dự án, chương trình đầu tư phát triển và quyết định khác trong quản lý, điều hành Ngân hàng.

g. Yêu cầu Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng, nhân viên của Ngân hàng cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.

h. Báo cáo Trưởng Ban kiểm soát về hoạt động tài chính bất thường của Ngân hàng và chịu trách nhiệm về đánh giá, kết luận của mình.

i. Tham dự cuộc họp của Ban kiểm soát, thảo luận và biểu quyết về vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban kiểm soát, trừ những vấn đề có xung đột lợi ích với thành viên đó.

j. Được hưởng tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quy định tại Điều 60 Điều lệ này và quy định pháp luật.

[187] Điều 54 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 173 Luật Doanh nghiệp.

k. Được thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và những Người điều hành ngân hàng cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Ngân hàng theo yêu cầu của Ban kiểm soát; được Văn phòng Hội đồng quản trị cung cấp tất cả các bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

l. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và của pháp luật.

3. Trường hợp vi phạm các quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát quy định tại khoản 2 Điều này mà gây thiệt hại cho Ngân hàng hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được từ hành vi vi phạm phải hoàn trả cho Ngân hàng.

4. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 58. Thay thế thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên của Ban kiểm soát sẽ đương nhiên bị mất tư cách hoặc bị bãi nhiệm, miễn nhiệm chức danh theo quy định tại Điều 38 và Điều 39 của Điều lệ này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị NHNN chấp thuận nhân sự dự kiến bầu thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định của NHNN.[188]

2. Trong thời hạn không quá 10 (mười) ngày kể từ ngày Trưởng Ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát có trách nhiệm tổ chức họp Ban kiểm soát để bầu một thành viên Ban kiểm soát đảm bảo tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định pháp luật và Điều lệ này làm Trưởng Ban kiểm soát.

3. Trưởng Ban kiểm soát muốn từ chức thì phải gửi đơn đến Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận đơn, Ban kiểm soát phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ này.

4. Thành viên Ban kiểm soát muốn từ chức phải có đơn gửi đến Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.

5. Trường hợp số thành viên Ban kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định pháp luật và/hoặc Điều lệ này, trong thời hạn không quá 90 (chín mươi) ngày kể từ ngày không đủ số thành viên tối thiểu, Ngân hàng phải bầu bổ sung thành viên Ban kiểm soát, đảm bảo số thành viên tối thiểu, trừ trường hợp Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt[189].

6. Trong các trường hợp khác, Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên Ban kiểm soát mới để thay thế cho thành viên Ban kiểm soát bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu tại cuộc họp gần nhất.

Điều 59. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. ***Cuộc họp thường kỳ:*** Ban kiểm soát họp định kỳ ít nhất 02 (hai) lần trong một năm[190].

---

[188] Thông tư 20/2025/TT-NHNN.
[189] Khoản 6 Điều 51 Luật Các tổ chức tín dụng.
[190] Khoản 1 Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; khoản 1 Điều 14 Phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC.

2. ***Cuộc họp bất thường:*** Ban kiểm soát có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp bất thường của Ban kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của Trưởng Ban kiểm soát hoặc bất kỳ thành viên Ban kiểm soát.[191]

3. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp Ban kiểm soát bất thường theo khoản 2 Điều này, Trưởng Ban kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban kiểm soát bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng Ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị và các thành viên Ban kiểm soát phải có ngay văn bản báo cáo NHNN Chi nhánh Khu vực 2 và tiến hành họp Ban kiểm soát để xử lý công việc đồng thời quyết định việc miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban kiểm soát, bầu một thành viên Ban kiểm soát đảm bảo các điều kiện và tiêu chuẩn giữ chức danh Trưởng Ban kiểm soát, trình NHNN chấp thuận nhân sự dự kiến được bầu theo đúng quy định hiện hành,[192] hoặc quyết định tổ chức Đại hội đồng cổ đông bất thường để xử lý những tồn tại, vướng mắc chưa thể giải quyết (nếu có).

4. ***Địa điểm họp:*** Các cuộc họp Ban kiểm soát sẽ được tiến hành ở địa chỉ đăng ký của Ngân hàng.

5. ***Thông báo và Chương trình họp:*** Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau 05 (năm) ngày kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được gửi qua đường bưu điện, thư điện tử hoặc phương tiện khác do Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Trưởng Ban kiểm soát ủy quyền triệu tập cuộc họp quyết định, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát.

6. ***Số thành viên tham dự yêu cầu:*** Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên trở lên dự họp[193]. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên Ban Kiểm soát có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên Ban Kiểm soát khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản về cuộc họp. Trường hợp biểu quyết bằng văn bản, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát chậm nhất 01 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.

7. ***Biểu quyết***:

   a. Mỗi thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp Ban kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát. Nếu thành viên Ban kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể ủy quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên Ban kiểm soát khác (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản về cuộc họp.

   b. Thành viên Ban kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

   c. Nếu có nghi ngờ nào phát sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên Ban kiểm soát và những nghi ngờ đó không được thành viên Ban kiểm soát đó tự nguyện giải quyết bằng

[191] Khoản 3 Điều 54 Luật Các tổ chức tín dụng.
[192] Thông tư 20/2025/TT-NHNN.
[193] Khoản 1 Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; khoản 1 Điều 14 Phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC.

cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ toạ của cuộc họp. Phán quyết của Chủ tọa sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên Ban kiểm soát có liên quan đó chưa được biết rõ.

d. Bất kỳ thành viên Ban kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu trong khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp hoặc các nội dung tương tự tại những văn bản kế thừa Luật này và các văn bản hướng dẫn khác sẽ được coi là có quyền lợi liên quan đối với hợp đồng đó.

8. ***Công khai lợi ích:*** Thành viên Ban kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng hoặc giao dịch đang dự kiến ký kết hoặc đã được ký kết với Ngân hàng phải công khai bản chất, nội dung của quyền lợi liên quan cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Việc công khai này phải được thực hiện trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét việc có giao kết các hợp đồng, giao dịch hoặc thỏa thuận đó không. Trong trường hợp thành viên đó biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan sau khi Ngân hàng đã ký kết hợp đồng, giao dịch đó, thành viên đó phải ngay lập tức thông báo cho Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát ngay sau khi thành viên đó biết được mình có quyền lợi hoặc sẽ có quyền lợi trong giao dịch hoặc hợp đồng đó.

9. ***Biểu quyết đa số:*** Quyết định của Ban kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban kiểm soát dự họp có quyền tham gia biểu quyết chấp thuận (bao gồm cả trường hợp ủy quyền biểu quyết và gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản về cuộc họp). Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban kiểm soát hoặc thành viên Ban kiểm soát được Ban kiểm soát ủy quyền Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban kiểm soát vắng mặt).

10. Trường hợp lấy ý kiến thành viên Ban kiểm soát bằng văn bản để thông qua quyết định về một vấn đề thì quyết định được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên Ban kiểm soát tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

    a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số các thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

    b. Số lượng thành viên Ban kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban kiểm soát.

11. ***Biên bản:*** Cuộc họp Ban kiểm soát phải được ghi biên bản. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập bằng tiếng Việt và phải được người ghi biên bản và tất cả các thành viên Ban kiểm soát tham dự cuộc họp ký tên và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của biên bản. Chủ toạ cuộc họp có trách nhiệm bố trí người ghi và gửi biên bản cuộc họp Ban kiểm soát cho các thành viên Ban kiểm soát và biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành và vấn đề được thảo luận tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của biên bản đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày gửi biên bản.

    Biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát[194].

Điều 60. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát[195]

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác trong tổng mức

[194] Khoản 1 Điều 289 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều 15 Phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC.
[195] Điều 41 Phụ lục I và Điều 17 Phụ lục IV Thông tư 116/2020/TT-BTC.

tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động của Ban kiểm soát được Đại hội đồng cổ đông thông qua hằng năm.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.
3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Ngân hàng theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Ngân hàng.

Chương 13

QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG

Điều 61. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ[196]

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
   a. Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết, quyết định Đại hội đồng cổ đông;
   b. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của Ngân hàng.
2. Trường hợp người đại diện được ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông yêu cầu tra cứu sổ sách và hồ sơ thì phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông và nhóm cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và những Người điều hành ngân hàng khác có quyền kiểm tra sổ cái của Ngân hàng, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Ngân hàng vì những mục đích liên quan tới nhiệm vụ, quyền hạn của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
4. Ngân hàng phải lưu giữ Điều lệ này và các bản sửa đổi, bổ sung của Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu đối với các tài sản, các báo cáo tài chính hàng năm đã được xác nhận của tổ chức kiểm toán độc lập, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác trong địa bàn hoạt động của trụ sở chính với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.
5. Mỗi cổ đông sẽ có quyền nhận được một bản sao Điều lệ này miễn phí. Điều lệ sẽ được công bố trên website của Ngân hàng.

[196] Khoản 5 và 6 Điều 61 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 49, Phụ lục I của Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Chương 14

NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 62. Người lao động và công đoàn

Tổng Giám đốc trong thẩm quyền của mình ban hành hoặc xây dựng để trình Hội đồng quản trị ban hành các văn bản, quy chế, quy định liên quan đến việc tuyển dụng, thuê lao động, buộc thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động của Ngân hàng cũng như quan hệ của Ngân hàng với tổ chức công đoàn.

Chương 15

PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 63. Cổ tức[197]

1. Ngân hàng chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Ngân hàng. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận còn lại của Ngân hàng nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất trên cơ sở trung thực sau khi đã lấy ý kiến các Cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông. Cổ tức sẽ được thanh toán đầy đủ trong thời hạn 06 (sáu) tháng kể từ ngày kết thúc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Hội đồng quản trị phải lập danh sách Cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả đối với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước mỗi lần trả cổ tức. Thông báo về trả cổ tức phải được công khai gửi đến tất cả các Cổ đông, chậm nhất 15 (mười lăm) ngày trước khi thực hiện trả cổ tức. Thông báo phải có các nội dung sau:
   a. Tên Ngân hàng và địa chỉ trụ sở chính của Ngân hàng;
   b. Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân;
   c. Tên, mã số doanh nghiệp hoặc số Giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức;
   d. Số lượng cổ phần từng loại của cổ đông, mức cổ tức đối với từng cổ phần và tổng số cổ tức mà cổ đông đó được nhận;
   e. Thời điểm và phương thức trả cổ tức;
   f. Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng.
3. Ngân hàng sẽ không trả lãi suất cho bất cứ cổ tức hay một khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
4. Bất cứ cổ tức hay những khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu sẽ phải được thực hiện bằng tiền Đồng Việt Nam (VND) và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và cổ đông đó phải chịu rủi ro. Ngoài ra, bất kỳ cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng

[197] Điều 135 Luật Doanh nghiệp 2020; Điều 51 Phụ lục I Thông tư 116/2020/TT-BTC.

tiền mặt có liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Ngân hàng đã được cung cấp chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Ngân hàng thực hiện được việc chuyển khoản những khoản tiền đó trực tiếp vào tài khoản tại ngân hàng của cổ đông. Ngân hàng sẽ không bị truy đòi đối với bất kỳ khoản tiền nào được Ngân hàng chuyển bằng chuyển khoản ngân hàng nhưng cổ đông thụ hưởng không nhận được nếu Ngân hàng đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do chính cổ đông đó cung cấp.

5. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật có liên quan, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức bằng tiền mặt hoặc cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
6. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu của Ngân hàng niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Tổng Công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương 16

KIỂM TOÁN NỘI BỘ, HỆ THỐNG KIỂM SOÁT NỘI BỘ, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 64. Kiểm toán nội bộ[198]

1. Kiểm toán nội bộ của Ngân hàng được tổ chức thành hệ thống thống nhất theo ngành dọc, là đơn vị chuyên trách thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ của Ngân hàng và trực thuộc, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban kiểm soát.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan về tính thích hợp và sự tuân thủ cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ của Ngân hàng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm Ngân hàng hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
3. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo Ban kiểm soát và gửi Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc của Ngân hàng.

Điều 65. Hệ thống kiểm soát nội bộ[199]

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ, cơ cấu tổ chức của Ngân hàng và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro.
2. Ngân hàng phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:
   a. Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
   b. Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;

[198] Điều 58 Luật Các tổ chức tín dụng.
[199] Điều 57 Luật Các tổ chức tín dụng.

c. Tuân thủ pháp luật và các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định nội bộ.

3. Ngân hàng phải thuê tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá một phần hoặc toàn bộ hệ thống kiểm soát nội bộ trong trường hợp có yêu cầu của NHNN.

4. Việc xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ và triển khai ứng dụng công nghệ trong hoạt động kiểm soát nội bộ được thực hiện theo quy định của Thống đốc NHNN.

Điều 66. Chế độ tài chính[200]

1. Ngân hàng chấp hành chế độ tài chính, doanh thu, chi phí, phân phối lợi nhuận theo quy định của pháp luật, Chính phủ và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

2. Báo cáo quyết toán hàng năm phải thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và của NHNN, của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Số liệu trong báo cáo phải đảm bảo tính trung thực, khách quan tình hình hoạt động của Ngân hàng cho đến thời điểm lập báo cáo.

Điều 67. Mua, đầu tư vào tài sản cố định[201]

Ngân hàng được mua, đầu tư vào tài sản cố định phục vụ trực tiếp cho hoạt động của Ngân hàng, đảm bảo tỷ lệ giá trị còn lại của tài sản cố định không được vượt quá 50% (năm mươi phần trăm) Vốn điều lệ và quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ ghi trên sổ sách kế toán.

Điều 68. Các quỹ dự trữ[202]

Ngân hàng phải trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ dự trữ sau:

1. Quỹ dự trữ bổ sung Vốn điều lệ được trích hàng năm theo tỷ lệ 10% lợi nhuận sau thuế, mức tối đa của quỹ này không được vượt quá mức Vốn điều lệ Ngân hàng;

2. Quỹ dự phòng tài chính;

3. Các quỹ dự trữ khác theo quy định của pháp luật.

Ngân hàng không được dùng các quỹ nói trên để trả cổ tức cho cổ đông hoặc phân chia lợi nhuận cho các cổ đông.

Điều 69. Tự chủ về tài chính của Ngân hàng[203]

Ngân hàng tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 70. Kế toán và thuế[204]

1. Ngân hàng thực hiện chế độ kế toán, thống kê theo quy định của pháp luật.

2. Năm tài chính của Ngân hàng bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu kể từ ngày được cấp Giấy phép thành lập và hoạt động và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm dương lịch.

3. Ngân hàng phải thực hiện hạch toán, kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán; chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác, trung thực của các khoản thu, chi và thực hiện các quy định về chế độ hóa đơn, chứng từ kế toán.

---

[200] Điều 151 Luật Các tổ chức tín dụng.
[201] Khoản 3 Điều 144 Luật Các tổ chức tín dụng.
[202] Khoản 2 Điều 148 Luật Các tổ chức tín dụng.
[203] Điều 151 Luật Các tổ chức tín dụng.
[204] Điều 149 và 150 Luật Các tổ chức tín dụng.

4. Ngân hàng phải lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt, phải lập sổ kế toán theo loại hình kinh doanh. Các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.
5. Ngân hàng thực hiện hạch toán theo hệ thống tài khoản kế toán do NHNN quy định.

Chương 17

BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 71. Báo cáo tài chính, báo cáo thường niên[205]

1. Ngân hàng phải thực hiện chế độ báo cáo, cung cấp, công bố thông tin theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê, điều tra thống kê, công bố thông tin và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Thống đốc NHNN, các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Ngân hàng trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Ngân hàng tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Ngân hàng phải lập và công bố các báo cáo tài chính sáu tháng đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của pháp luật.
4. Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo tài chính sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.
5. Các tổ chức, cá nhân quan tâm đều được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính năm được kiểm toán, báo cáo sáu tháng được soát xét và báo cáo tài chính quý trong giờ làm việc tại trụ sở chính của Ngân hàng và phải trả mức phí hợp lý cho việc sao chụp.
6. Ngoài những báo cáo định kỳ, Ngân hàng báo cáo kịp thời cho NHNN trong những trường hợp sau:
   a. Phát sinh diễn biến bất thường trong hoạt động nghiệp vụ có thể ảnh hưởng nghiêm trọng đến tình hình kinh doanh của Ngân hàng;
   b. Thay đổi về tổ chức, quản trị, điều hành, tình hình tài chính của cổ đông lớn và thay đổi khác có ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng; mua, bán, chuyển nhượng cổ phần, phần vốn góp của cổ đông lớn;
   c. Thay đổi tên chi nhánh của Ngân hàng; tạm ngừng giao dịch dưới 05 (năm) ngày làm việc; niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán trong nước.
7. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính, Ngân hàng phải gửi cho NHNN các báo cáo hàng năm theo quy định của pháp luật.
8. Ngân hàng phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 72. Công bố thông tin[206]

[205] Điều 152 Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 56 Phụ lục I của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
[206] Điều 154 Luật Các tổ chức tín dụng.

1. Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được gửi cho cơ quan thuế có thẩm quyền và NHNN, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch chứng khoán, Cơ quan đăng ký kinh doanh cũng như phải được công bố công khai trong vòng 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ khi kết thúc năm tài chính theo quy định của pháp luật, trừ trường hợp Ngân hàng đang được kiểm soát đặc biệt.
2. Ngân hàng phải tuân thủ các quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Chương 18

KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Điều 73. Kiểm toán độc lập[207]

1. Trước khi kết thúc năm tài chính, Đại hội đồng cổ đông quyết định lựa chọn một tổ chức kiểm toán độc lập để tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Ngân hàng và thực hiện dịch vụ bảo đảm đối với hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính trong năm tài chính tiếp theo. Ngân hàng phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho tổ chức kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập, Ngân hàng phải thông báo cho NHNN về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn.
3. Tổ chức kiểm toán độc lập của Ngân hàng sẽ kiểm tra, xác nhận tính trung thực và báo cáo trên cơ sở báo cáo kế toán hàng năm các khoản thu chi của Ngân hàng và phải chuẩn bị báo cáo kiểm toán và trình báo cáo cho Hội đồng quản trị trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.
4. Kiểm toán viên của tổ chức kiểm toán độc lập sẽ được phép tham dự bất kỳ cuộc họp Đại hội đồng cổ đông nào và thu thập các thông báo, thông tin khác liên quan đến bất kỳ cuộc họp nào mà các Cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề của cuộc họp có liên quan đến kiểm toán viên.
5. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của Ngân hàng được thực hiện theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, pháp luật về kiểm toán độc lập và văn bản hướng dẫn của NHNN.

Chương 19

KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, TỔ CHỨC LẠI, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 74. Kiểm soát đặc biệt[208]

1. Các trường hợp Ngân hàng được xem xét đặt vào kiểm soát đặc biệt:
   a. Ngân hàng được can thiệp sớm không có phương án khắc phục gửi NHNN hoặc không điều chỉnh phương án khắc phục theo yêu cầu bằng văn bản của NHNN;
   b. Trong thời hạn thực hiện phương án khắc phục, Ngân hàng được can thiệp sớm không có khả năng thực hiện phương án khắc phục;

[207] Điều 59 Luật Các tổ chức tín dụng.
[208] Điều 162 Luật Các tổ chức tín dụng.

c. Hết thời hạn thực hiện phương án khắc phục mà Ngân hàng không khắc phục được tình trạng dẫn đến thực hiện can thiệp sớm;

d. Bị rút tiền hàng loạt và có nguy cơ gây mất an toàn hệ thống tổ chức tín dụng;

e. Tỷ lệ an toàn vốn của Ngân hàng thấp hơn 4% (bốn phần trăm) trong thời gian 06 (sáu) tháng liên tục.

f. Ngân hàng bị giải thể không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ trong quá trình thanh lý tài sản.

2. Cổ đông của Ngân hàng phải báo cáo việc sử dụng cổ phần; không được chuyển nhượng cổ phần; không được sử dụng cổ phần để làm tài sản bảo đảm kể từ ngày Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt, trừ trường hợp thực hiện theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

3. Dư nợ gốc, lãi của khoản vay tái cấp vốn của Ngân hàng tại NHNN được chuyển thành dư nợ gốc, lãi của khoản vay đặc biệt và tiếp tục thực hiện theo cơ chế vay tái cấp vốn của các khoản vay tái cấp vốn này kể từ ngày Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt.

Điều 75. Trách nhiệm của Ngân hàng, cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng khi Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt[209]

1. Ngân hàng, cổ đông của Ngân hàng khi Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm sau:

a. Xây dựng phương án cơ cấu lại theo yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt.

b. Thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

c. Thực hiện quyết định, yêu cầu của NHNN quy định tại Điều 163 Luật Các tổ chức tín dụng;

d. Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ban kiểm soát đặc biệt quy định tại Điều 164 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng khi Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt có trách nhiệm sau:

a. Thực hiện trách nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này;

b. Quản trị, điều hành, kiểm soát hoạt động kinh doanh của Ngân hàng, bảo đảm an toàn tài sản của Ngân hàng.

c. Hội đồng quản trị quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông và thông qua phương án cơ cấu lại theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.

Điều 76. Quản trị, điều hành và hoạt động của Ngân hàng khi được kiểm soát đặc biệt[210]

1. Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, Ngân hàng không phải tuân thủ quy định về giới hạn cấp tín dụng, giới hạn góp vốn, mua cổ phần, tỷ lệ đảm bảo an toàn, tỷ lệ còn lại của tài sản cố định theo quy định tại Điều lệ này và tại các Điều 136, 137, 138 và khoản 3 Điều 144 Luật Các tổ chức tín dụng. Trường hợp số tiền phải trích lập dự phòng rủi ro lớn hơn chênh lệch thu chi từ kết quả kinh doanh hằng năm, chưa bao gồm số tiền dự phòng rủi ro đã tạm trích trong năm, thì số tiền trích lập dự phòng rủi ro bằng chênh lệch thu chi.

2. Ngân hàng không phải thực hiện dự trữ bắt buộc.

3. Ngân hàng được miễn nộp phí bảo hiểm tiền gửi.

[209] Điều 165 Luật Các tổ chức tín dụng.
[210] Điều 166 Luật Các tổ chức tín dụng.

4. Việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông, công bố thông tin được thực hiện theo yêu cầu bằng văn bản của NHNN phù hợp với mục tiêu bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng.

5. Số lượng thành viên, cơ cấu, nhiệm kỳ Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng do NHNN quyết định phù hợp với thực trạng hoạt động của Ngân hàng khi được kiểm soát đặc biệt.

   Trường hợp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của Ngân hàng hết nhiệm kỳ mà Ngân hàng chưa bầu, bổ nhiệm Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới thì Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục thực hiện việc quản trị, kiểm soát Ngân hàng theo quy định của pháp luật cho đến khi Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

Điều 77. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt[211]

Ngân hàng được chấm dứt kiểm soát đặc biệt bởi quyết định của NHNN trong các trường hợp sau:

1. Ngân hàng khắc phục được tình trạng dẫn đến Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt và tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 13 của Điều lệ này và Điều 138 Luật Các tổ chức tín dụng;

2. Ngân hàng hoàn thành phương án phục hồi, phương án sáp nhập, hợp nhất, chuyển nhượng toàn bộ cổ phần, phương án chuyển giao bắt buộc đã được phê duyệt theo quy định tại Mục 2, 3 và 4 Chương X Luật Các tổ chức tín dụng;

3. Ngân hàng bị giải thể hoặc sáp nhập, hợp nhất theo quy định tại Mục 5 Chương X, chương XIII Luật Các tổ chức tín dụng và quy định khác của pháp luật có liên quan;

4. Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để tiến hành thủ tục phá sản Ngân hàng.

Điều 78. Tổ chức lại Ngân hàng[212]

1. Ngân hàng được tổ chức lại dưới hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hình thức pháp lý sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản.

2. Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục chấp thuận việc tổ chức lại Ngân hàng theo quy định của Thống đốc NHNN.

Điều 79. Phá sản Ngân hàng[213]

1. Sau khi NHNN có văn bản chấm dứt kiểm soát đặc biệt hoặc không áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán hoặc chấm dứt áp dụng biện pháp phục hồi khả năng thanh toán mà Ngân hàng vẫn mất khả năng thanh toán, Ngân hàng phải nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản theo quy định của pháp luật về phá sản.

2. Việc phá sản của Ngân hàng thực hiện theo quy định của pháp luật về phá sản.

3. Ngân hàng bị NHNN thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản của Ngân hàng.

Điều 80. Giải thể, chấm dứt hoạt động Ngân hàng[214]

[211] Điều 168 Luật Các tổ chức tín dụng.
[212] Điều 201 Luật Các tổ chức tín dụng.
[213] Điều 203 Luật Các tổ chức tín dụng.
[214] Điều 202 Luật Các tổ chức tín dụng.

Ngân hàng giải thể, chấm dứt hoạt động trong các trường hợp sau đây:

1. Tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và được NHNN chấp thuận bằng văn bản;
2. Ngân hàng không đề nghị gia hạn hoặc đề nghị gia hạn nhưng không được NHNN chấp thuận bằng văn bản khi hết thời hạn hoạt động;
3. Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động.
4. Khi Ngân hàng được can thiệp sớm hoặc được kiểm soát đặc biệt có tổ chức tín dụng khác tiếp nhận toàn bộ nghĩa vụ nợ.

Điều 81. Thanh lý tài sản của Ngân hàng trong trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động[215]

1. Khi giải thể, chấm dứt hoạt động theo Điều 80 của Điều lệ này, Ngân hàng phải tiến hành thanh lý tài sản dưới sự giám sát của NHNN và theo trình tự, thủ tục thanh lý tài sản do Thống đốc NHNN quy định.
2. Ngân hàng phải chấm dứt thanh lý tài sản và thực hiện phương án phá sản theo theo quyết định của NHNN trong trường hợp Ngân hàng không có khả năng thanh toán đầy đủ các khoản nợ.
3. Việc thành lập Hội đồng thanh lý và việc thanh lý tài sản được thực hiện theo quy định pháp luật có liên quan.
4. Ngân hàng có trách nhiệm thanh toán các chi phí liên quan đến việc thanh lý tài sản.

Điều 82. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất 07 (bảy) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Ngân hàng theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Chương 20

RÚT TIỀN HÀNG LOẠT, VAY ĐẶC BIỆT

Điều 83. Xử lý trường hợp Ngân hàng bị rút tiền hàng loạt[216]

1. Ngân hàng phải báo cáo NHNN và thực hiện ngay các biện pháp sau đây khi bị rút tiền hàng loạt:
   a. Không chia cổ tức bằng tiền mặt; tạm dừng hoặc hạn chế các hoạt động cấp tín dụng và các hoạt động khác có sử dụng nguồn tiền của Ngân hàng; các giải pháp khác để đáp ứng yêu cầu chi trả tiền gửi cho khách hàng;
   b. Thực hiện các biện pháp tại phương án khắc phục trong tình huống bị rút tiền hàng loạt quy định tại Điều 143 Luật Các tổ chức tín dụng; cập nhật, điều chỉnh phương án trong trường hợp cần thiết.
2. Ngân hàng phải báo cáo NHNN về tình trạng rút tiền hàng loạt và rà soát, đánh giá lại thực trạng để xây dựng, điều chỉnh phương án khắc phục theo quy định tại Điều 158 và Điều 160

[215] Điều 204 Luật Các tổ chức tín dụng; Thông tư số 63/2024/TT-NHNN ngày 31/12/2024 quy định về hồ sơ, thủ tục thu hồi giấy phép và thanh lý tài sản của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài; hồ sơ, thủ tục thu hồi giấy phép văn phòng đại diện tại Việt Nam của tổ chức tín dụng nước ngoài, tổ chức nước ngoài khác có hoạt động ngân hàng.
[216] Điều 191 Luật Các tổ chức tín dụng.

Luật Các tổ chức tín dụng và thực hiện phương án khắc phục đã được xây dựng, điều chỉnh trong trường hợp Ngân hàng đang được can thiệp sớm mà bị rút tiền hàng loạt.

3. Ngân hàng được áp dụng biện pháp hỗ trợ sau đây khi bị rút tiền hàng loạt:
   a. Bán giấy tờ có giá cho NHNN trên nghiệp vụ thị trường mở với lãi suất 0%;
   b. Thực hiện giao dịch ngoại tệ với NHNN để bảo đảm thanh khoản theo quy định của Thống đốc NHNN;
   c. Được vay đặc biệt từ NHNN; vay đặc biệt từ tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi; vay đặc biệt từ tổ chức tín dụng khác.

Điều 84. Vay đặc biệt, xử lý khoản vay đặc biệt[217]

1. Ngân hàng được vay đặc biệt từ NHNN, tổ chức tín dụng khác trong trường hợp sau đây:
   a. Để chi trả tiền gửi cho người gửi tiền theo quy định tại Điều 84 Điều lệ này;
   b. Để thực hiện phương án phục hồi, phương án chuyển giao bắt buộc.
2. Ngân hàng được vay đặc biệt từ tổ chức bảo hiểm tiền gửi theo quy định của pháp luật về bảo hiểm tiền gửi.
3. Khoản vay đặc biệt được ưu tiên hoàn trả trước tất cả các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính khác, kể cả các khoản nợ, nghĩa vụ tài chính có tài sản bảo đảm của Ngân hàng.

Chương 21

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 85. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại liên quan tới hoạt động của Ngân hàng, quyền hoặc nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định của Điều lệ này, Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan hoặc theo thỏa thuận giữa:
   a. Cổ đông với Ngân hàng; hoặc
   b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc hoặc Người quản lý ngân hàng và Người điều hành ngân hàng khác.

   Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các thông tin liên quan đến tranh chấp trong vòng 21 (hai mươi mốt) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị, các bên có thể yêu cầu cơ quan có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp.
2. Nếu không có quyết định nào đạt được trong hoà giải trong vòng 06 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của hoà giải viên không được các bên chấp nhận, các bên có thể đưa tranh chấp đó ra Toà án hoặc trọng tài có thẩm quyền giải quyết.
3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Các chi phí của Toà án hoặc trọng tài sẽ thực hiện theo phán quyết, và quyết định của Tòa án hoặc trọng tài có liên quan.

[217] Khoản 1, khoản 2 Điều 192 và khoản 1 Điều 194 Luật Các tổ chức tín dụng.

Chương 22

THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT

Điều 86. Thông tin[218]

1. Ngân hàng cung cấp cho chủ tài khoản thông tin về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản.
2. Ngân hàng có trách nhiệm báo cáo NHNN thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được NHNN cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Thống đốc NHNN.
3. Ngân hàng được trao đổi thông tin về hoạt động của mình với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác.
4. Ngân hàng được cung cấp thông tin cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền, tổ chức, cá nhân theo quy định pháp luật và Ngân hàng.

Điều 87. Nghĩa vụ bảo mật[219]

1. Nhân viên, Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng không được tiết lộ thông tin khách hàng, bí mật kinh doanh của Ngân hàng.
2. Ngân hàng phải bảo đảm bí mật thông tin khách hàng theo quy định của Chính phủ, không được cung cấp thông tin khách hàng cho tổ chức, cá nhân khác, trừ trường hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

Chương 23

NGÀY HIỆU LỰC

Điều 88. Ngày hiệu lực

1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày 01/07/2026 sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và thay thế các Điều lệ, các bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ đã được ban hành trước đó.
2. Các bản sao hoặc trích lục của bản Điều lệ này thực hiện theo quy định của Ngân hàng và pháp luật có liên quan.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Ngân hàng.
4. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định thông qua. Trừ khi pháp luật có quy định khác, trong trường hợp pháp luật có liên quan đến việc tổ chức và hoạt động của Ngân hàng có sự thay đổi hoặc có những quy định mới khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Ngân hàng.

Điều 89. Điều khoản chuyển tiếp

1. Ngân hàng phải xây dựng và thực hiện lộ trình để bảo đảm tuân thủ các quy định tại Điều lệ này và Luật Các tổ chức tín dụng theo quy định của Thống đốc NHNN trong trường hợp Ngân hàng có các khoản góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác quy định tại điểm b khoản 7 Điều 6 Điều lệ này.

---

[218] Điều 12 Luật Các tổ chức tín dụng.
[219] Điều 13 Luật Các tổ chức tín dụng.

2. Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng và chức danh khác của Ngân hàng được bầu, bổ nhiệm trước ngày Điều lệ này có hiệu lực mà không đáp ứng quy định tại Điều 35 Điều lệ này được tiếp tục đảm nhiệm chức vụ đến hết nhiệm kỳ hoặc đến hết thời hạn được bầu, bổ nhiệm.

   Hội đồng quản trị của Ngân hàng được bầu trước ngày Điều lệ này có hiệu lực mà không đáp ứng quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 44 Điều lệ này được tiếp tục hoạt động đến hết nhiệm kỳ Hội đồng quản trị.

   Đến ngày Điều lệ này có hiệu lực, Ban kiểm soát của Ngân hàng có số lượng thành viên chưa tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều 55 Điều lệ này được tiếp tục duy trì số lượng thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều 44 của Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 17/2017/QH14 cho đến hết nhiệm kỳ của Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát, trừ trường hợp Ngân hàng bầu, bổ nhiệm bổ sung, thay thế thành viên Ban kiểm soát.

3. Kể từ ngày Điều lệ này có hiệu lực, cổ đông, cổ đông và người có liên quan sở hữu cổ phần Ngân hàng vượt tỷ lệ sở hữu cổ phần quy định tại Điều 16 Điều lệ này được tiếp tục duy trì cổ phần nhưng không được tăng thêm cổ phần cho đến khi tuân thủ quy định về tỷ lệ sở hữu cổ phần theo quy định tại Điều 16 Điều lệ này, trừ trường hợp nhận cổ tức bằng cổ phiếu.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 24 tháng 04 năm 2026

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

KIM BYOUNGHO

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU **1**

CHƯƠNG 1. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ **1**

Điều 1. Định nghĩa *1*

CHƯƠNG 2. TÊN, ĐỊA CHỈ VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA NGÂN HÀNG **6**

Điều 2. Tên, địa chỉ, hình thức, người đại diện theo pháp luật, chi nhánh, văn phòng đại diện, thời hạn hoạt động và con dấu của Ngân hàng *6*

CHƯƠNG 3. MỤC TIÊU CỦA NGÂN HÀNG, PHẠM VI VÀ NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG **7**

Điều 3. Mục tiêu của Ngân hàng *7*

Điều 4. Phạm vi hoạt động *7*

Điều 5. Nội dung hoạt động của Ngân hàng *7*

Điều 6. Góp vốn, mua cổ phần *10*

Điều 7. Xét duyệt cấp tín dụng, kiểm tra và xử lý *10*

Điều 8. Bảo đảm an toàn *11*

CHƯƠNG 4. VỐN ĐIỀU LỆ VÀ VỐN HOẠT ĐỘNG **11**

Điều 9. Vốn điều lệ *11*

Điều 10. Thay đổi Vốn điều lệ *12*

Điều 11. Vốn của Ngân hàng *12*

Điều 12. Sử dụng vốn, tài sản *13*

Điều 13. Bảo đảm an toàn vốn *13*

Điều 14. Thực hiện can thiệp sớm đối với Ngân hàng *13*

CHƯƠNG 5. CỔ PHẦN, CỔ PHIẾU, CỔ ĐÔNG, CỔ ĐÔNG LỚN VÀ CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP **14**

Điều 15. Vốn điều lệ hiện hành, cổ phần, cổ đông của Ngân hàng *14*

Điều 16. Giới hạn sở hữu cổ phần *15*

Điều 17. Cổ phiếu *15*

Điều 18. Chào bán và chuyển nhượng cổ phần *16*

Điều 19. Mua lại cổ phần, cổ phiếu *17*

Điều 20. Phát hành trái phiếu và chứng chỉ chứng khoán khác *20*

CHƯƠNG 6. CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ **21**

Điều 21. Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát *21*

CHƯƠNG 7. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 21

Điều 22. Quyền của cổ đông 21

Điều 23. Nghĩa vụ của cổ đông 23

Điều 24. Đại hội đồng cổ đông, thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông 25

Điều 25. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 26

Điều 26. Quyền hạn và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 27

Điều 27. Thực hiện quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông 29

Điều 28. Thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông 30

Điều 29. Chương trình và nội dung họp, mời họp Đại hội đồng cổ đông 31

Điều 30. Điều kiện tiến hành họp, thể thức tiến hành họp và biểu quyết, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 32

Điều 31. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông 36

Điều 32. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông 37

Điều 33. Hủy bỏ các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông 38

CHƯƠNG 8. ĐIỀU KHOẢN CHUNG VỀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ MỘT SỐ CHỨC DANH KHÁC 38

Điều 34. Nhiệm vụ chung 38

Điều 35. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ, không cùng đảm nhiệm chức vụ, tiêu chuẩn để được bầu, bổ nhiệm 39

Điều 36. Cung cấp, công bố công khai thông tin 43

Điều 37. Thù lao, tiền lương, thưởng và lợi ích khác của Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng, thành viên Ban kiểm soát 44

Điều 38. Đương nhiên mất tư cách 45

Điều 39. Miễn nhiệm, bãi nhiệm 45

Điều 40. Đình chỉ, tạm đình chỉ 46

CHƯƠNG 9. NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI QUẢN LÝ NGÂN HÀNG, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH NGÂN HÀNG VÀ NGĂN NGỪA XUNG ĐỘT QUYỀN LỢI 46

Điều 41. Quyền, nghĩa vụ của Người quản lý ngân hàng, Người điều hành ngân hàng 47

Điều 42. Tránh xung đột quyền lợi và giao dịch với Người có liên quan 47

Điều 43. Trách nhiệm và bồi thường 48

CHƯƠNG 10. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 49

Điều 44. Thành phần và nhiệm kỳ 49

Điều 45. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị 50
Điều 46. Quyền, nghĩa vụ của Chủ tịch và thành viên Hội đồng quản trị 54
Điều 47. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị 56
Điều 48. Thay thế thành viên Hội đồng quản trị 57
Điều 49. Cuộc họp của Hội đồng quản trị 58
Điều 50. Bộ phận giúp việc của Hội đồng quản trị 61
Điều 51. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản 62
CHƯƠNG 11. TỔNG GIÁM ĐỐC **63**
Điều 52. Tổng giám đốc 63
Điều 53. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng giám đốc và tạm đình chỉ quyền điều hành của Tổng giám đốc 63
Điều 54. Quyền, nghĩa vụ của Tổng giám đốc 64
CHƯƠNG 12. BAN KIỂM SOÁT **65**
Điều 55. Thành phần và nhiệm kỳ 65
Điều 56. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban kiểm soát 65
Điều 57. Quyền, nghĩa vụ của Trưởng ban và các thành viên Ban kiểm soát 67
Điều 58. Thay thế thành viên Ban kiểm soát 69
Điều 59. Cuộc họp của Ban kiểm soát 69
Điều 60. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát 71
CHƯƠNG 13. QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ NGÂN HÀNG **72**
Điều 61. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ 72
CHƯƠNG 14. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN **73**
Điều 62. Người lao động và công đoàn 73
CHƯƠNG 15. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN **73**
Điều 63. Cổ tức 73
CHƯƠNG 16. KIỂM TOÁN NỘI BỘ, HỆ THỐNG, KIỂM SOÁT NỘI BỘ, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH, HỆ THỐNG KẾ TOÁN **74**
Điều 64. Kiểm toán nội bộ 74
Điều 65. Hệ thống kiểm soát nội bộ 74
Điều 66. Chế độ tài chính 75
Điều 67. Mua, đầu tư vào tài sản cố định 75
Điều 68. Các quỹ dự trữ 75

Điều 69. Tự chủ về tài chính của Ngân hàng 75
Điều 70. Kế toán và thuế 75
CHƯƠNG 17. BÁO CÁO TÀI CHÍNH, BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN **76**
Điều 71. Báo cáo tài chính, báo cáo thường niên 76
Điều 72. Công bố thông tin 76
CHƯƠNG 18. KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP **77**
Điều 73. Kiểm toán độc lập 77
CHƯƠNG 19. KIỂM SOÁT ĐẶC BIỆT, TỔ CHỨC LẠI, CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ **77**
Điều 74. Kiểm soát đặc biệt 77
Điều 75. Trách nhiệm của Ngân hàng, cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của Ngân hàng khi Ngân hàng được kiểm soát đặc biệt 78
Điều 76. Quản trị, điều hành và hoạt động của Ngân hàng khi được kiểm soát đặc biệt 78
Điều 77. Chấm dứt kiểm soát đặc biệt 79
Điều 78. Tổ chức lại Ngân hàng 79
Điều 79. Phá sản Ngân hàng 79
Điều 80. Giải thể, chấm dứt hoạt động Ngân hàng 79
Điều 81. Thanh lý tài sản của Ngân hàng trong trường hợp giải thể, chấm dứt hoạt động 80
Điều 82. Gia hạn hoạt động 80
CHƯƠNG 20. RÚT TIỀN HÀNG LOẠT, VAY ĐẶC BIỆT **80**
Điều 83. Xử lý trường hợp Ngân hàng bị rút tiền hàng loạt 80
Điều 84. Vay đặc biệt, xử lý khoản vay đặc biệt 81
CHƯƠNG 21. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ **81**
Điều 85. Giải quyết tranh chấp nội bộ 81
CHƯƠNG 22. THÔNG TIN VÀ BẢO MẬT **82**
Điều 86. Thông tin 82
Điều 87. Nghĩa vụ bảo mật 82
CHƯƠNG 23. NGÀY HIỆU LỰC **82**
Điều 88. Ngày hiệu lực 82
Điều 89. Điều khoản chuyển tiếp 82